

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.


BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT
NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25/07/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 41.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 03 năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa chỉ dưới đây từ ngày ... tháng ... năm 2022.

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Địa chỉ: 1D, Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Điện thoại: 02923.825.848 Fax: 02923.825.844
Website : <http://www.tscantho.com.vn/>

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7- 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại: +84 24 7304 5688
Website : www.mbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Bà Bùi Hồng Hạnh
Chức vụ: Người phụ trách quản trị Công ty
Điện thoại: 02923.825.848 Fax: 02923.825.844
Địa chỉ: 1D, Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25/07/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	49.216.028 cổ phiếu (chào bán cho cổ đông hiện hữu)
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	492.160.280.000 đồng (theo mệnh giá)

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán Vaco

Địa chỉ: Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3577 0781 Fax: (84-24) 3577 0787

Website : www.vaco.com.vn

Báo cáo tài chính năm 2020 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B2, tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 5678 3999

Website : www.uhy.vn

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7- 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
HÌNH.....	4
BẢNG.....	4
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức Phát hành.....	6
2. Tổ chức tư vấn.....	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Thông tin chung về Tổ chức Phát hành.....	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức Phát hành.....	17
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành.....	18
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành.....	19
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	23
6. Thông tin về quá trình tăng giảm vốn điều lệ của Tổ chức Phát hành.....	28
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:.....	33
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	33
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	34
10. Hoạt động kinh doanh.....	34
11. Chính sách đối với người lao động.....	60
12. Chính sách cổ tức.....	62
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	62
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức Phát hành.....	63
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức Phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức Phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	63
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức Phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	63

V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	63
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	63
2.	Tình hình tài chính	65
3.	Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập:	77
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	80
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG	81
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	81
2.	Thông tin về cổ đông lớn	81
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc kỹ thuật, Kế toán trưởng	85
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	106
1.	Loại cổ phiếu	106
2.	Mệnh giá cổ phiếu	106
3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	106
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	106
5.	Giá chào bán dự kiến	106
6.	Phương pháp tính giá:	106
7.	Phương thức phân phối	108
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	109
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	110
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	111
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	111
12.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	111
13.	Các loại thuế có liên quan	111
14.	Thông tin về các cam kết	112
15.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	112
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	112
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	112
1.	Tăng vốn cho Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con): 160.037.500.000 đồng	113
2.	Trả nợ vay ngắn hạn: 100.000.000.000 đồng	114
3.	Tăng quy mô hoạt động thương mại kinh doanh nông sản. Cụ thể là thanh toán tiền mua nông sản nhằm mục đích kinh doanh: 232.122.780.000 đồng	115

X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	115
1.	Tổ chức tư vấn	115
2.	Tổ chức kiểm toán.....	115
3.	Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán ra công chúng.....	115
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	116
XII.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	117
XIII.	PHỤ LỤC.....	118

HÌNH

<i>Hình 1: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn năm 2016-2021 (%).....</i>	<i>8</i>
<i>Hình 2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của TSC tại thời điểm 31/12/2021.....</i>	<i>18</i>
<i>Hình 3: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của TSC.....</i>	<i>19</i>

BẢNG

<i>Bảng 1: Công ty con của Tổ chức Phát hành trong năm 2019, 2020, 2021.....</i>	<i>25</i>
<i>Bảng 2: Công ty liên kết của Tổ chức Phát hành trong năm 2019, 2020 và 2021.</i>	<i>27</i>
<i>Bảng 3: Quá trình tăng vốn của Công ty</i>	<i>29</i>
<i>Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/03/2021.....</i>	<i>33</i>
<i>Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm của Công ty mẹ qua các năm.....</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 6: Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm hợp nhất qua các năm</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm của Công ty mẹ qua các năm</i>	<i>39</i>
<i>Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm của Công ty hợp nhất qua các năm.....</i>	<i>39</i>
<i>Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2019.....</i>	<i>40</i>
<i>Bảng 10: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2019</i>	<i>40</i>
<i>Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2020.....</i>	<i>41</i>
<i>Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2020.....</i>	<i>41</i>
<i>Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2021.....</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 14: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2021</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 15: Bất động sản đầu tư tính đến 31/12/2021.....</i>	<i>43</i>

Bảng 16: Cơ cấu doanh thu theo thị trường của Công ty hợp nhất.....	44
Bảng 17: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực thực hiện trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay.....	50
Bảng 18: Các khách hàng lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay.....	53
Bảng 19: Các nhà cung cấp lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay... ..	53
Bảng 20: Cơ cấu nhân sự của TSC và các công ty thành viên trong 03 năm gần nhất.....	60
Bảng 21: Cơ cấu nhân sự của TSC tại thời điểm 31/12/2021.....	61
Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành (công ty mẹ) trong giai đoạn năm 2019 - 2021.....	63
Bảng 23: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành (hợp nhất).....	64
Bảng 24: Cơ cấu vốn kinh doanh.....	65
Bảng 25: Thời gian khấu hao tài sản cố định.....	66
Bảng 26: Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động qua các năm.....	66
Bảng 27: Thông tin về tình hình công nợ.....	67
Bảng 28: Các khoản phải thu của Công ty mẹ.....	67
Bảng 29: Các khoản phải thu của Công ty hợp nhất.....	68
Bảng 30: Các khoản phải thu quá hạn của Công ty mẹ.....	69
Bảng 31: Các khoản phải thu quá hạn của Công ty hợp nhất.....	70
Bảng 32: Các khoản phải trả của Công ty mẹ.....	72
Bảng 33: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất.....	72
Bảng 34: Nợ vay của Công ty mẹ.....	73
Bảng 35: Nợ vay của Công ty hợp nhất.....	73
Bảng 36: Dự nợ các khoản vay của Công ty mẹ.....	74
Bảng 37: Dự nợ các khoản vay của Công ty hợp nhất.....	74
Bảng 38: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ.....	75
Bảng 39: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty hợp nhất.....	75
Bảng 40: Các quỹ trích lập của Công ty mẹ.....	75
Bảng 41: Các quỹ trích lập của Công ty hợp nhất.....	76
Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	76
Bảng 43: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	81
Bảng 44: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.....	83
Bảng 45: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Giám đốc tài chính..	85
Bảng 46: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.....	110

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức Phát hành

Bà: Nguyễn Thị Minh Nguyệt Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Chu Thanh Quân Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Trang Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Bà: Nguyễn Thị Thanh Vân Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Theo Giấy ủy quyền số 72/2020/MBS-UQ ngày 01 tháng 11 năm 2020 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 30/2021/MBS/IBHN1-HDTV ngày 14 tháng 7 năm 2021 với Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu phát hành thêm của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ.

1.1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong giai đoạn năm 2017-2019, nền kinh tế Việt Nam phát triển tương đối ổn định, với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017, 2018, 2019 đạt lần lượt là 6,81%; 7,08% và 7,02%; đều vượt mục tiêu do Quốc Hội đề ra.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 khiến cho nền kinh tế bị đình trệ, Việt Nam vẫn ghi nhận một năm có mức tăng trưởng GDP dương đạt 2,88%, thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, dịch bệnh Covid - 19 với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 2,58% (Quý I tăng 4,72%; Quý II tăng 6,73%; Quý III giảm 6,02%; Quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong Quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

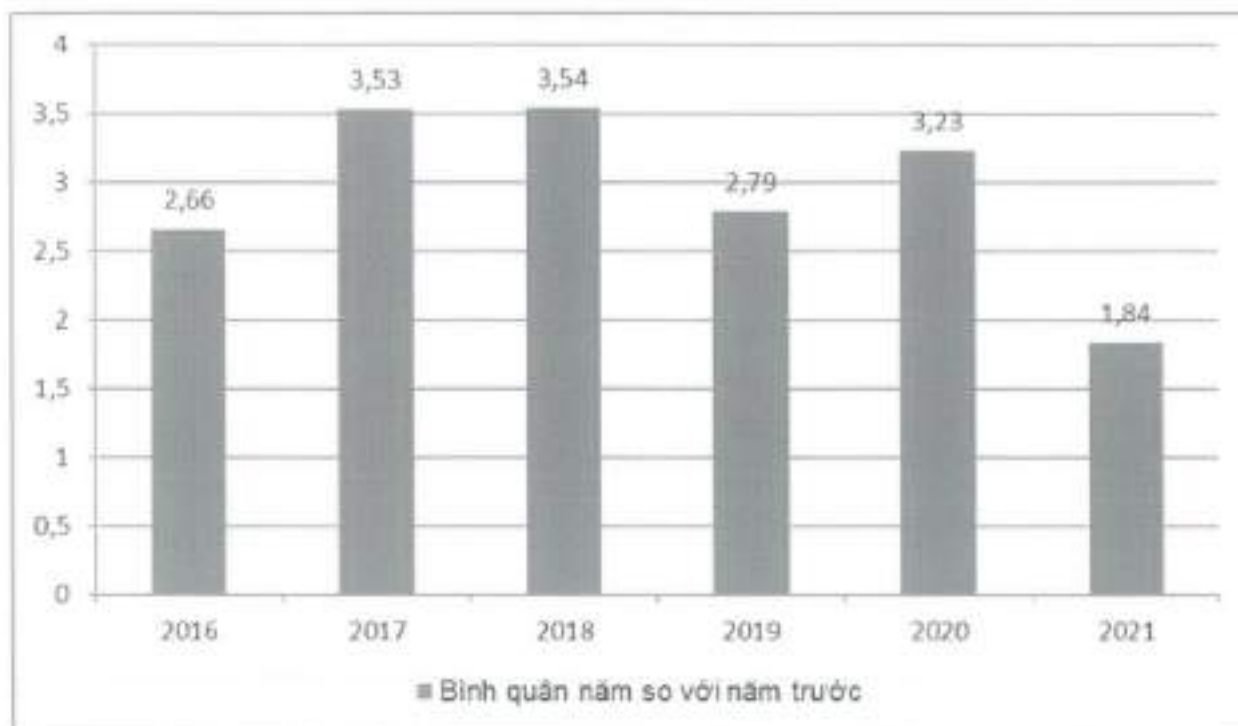
Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Năm 2019, lạm phát được kiểm soát với mức tương đối thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%. Trong 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là giá thịt lợn) nhưng tác động của dịch Covid-19 khiến cầu hàng hoá suy giảm mạnh trong những tháng cuối năm 2020. Kết thúc 2020, chỉ số CPI đạt mức 3,23% so với năm

trước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Hình 1: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn năm 2016-2021 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

1.2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật, chính sách và các quy định tại Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư... Các hoạt động kinh doanh của Công ty cần nhiều loại giấy phép và chấp thuận từ các cơ quan nhà nước, các giấy phép này trong một số trường hợp nhất định sẽ cần nộp xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn, tùy trường. Công ty không thể đảm bảo

với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp giấy phép mới, cho phép sửa đổi hoặc gia hạn giấy phép hiện có cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Công ty dự kiến. Việc mất, hoặc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng Công ty.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động chính của TSC là thương mại, các sản phẩm nông sản của Công ty được bán tại thị trường trong nước cũng như nước ngoài. Rủi ro về việc khan hiếm, cạnh tranh trong việc thu mua nguyên vật liệu có thể làm giá thu mua nguyên vật liệu tăng tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, việc biến động tỷ giá tiền tệ theo hướng bất lợi có thể tác động đến việc xuất khẩu các sản phẩm nông sản của TSC ra nước ngoài, làm giảm biên lợi nhuận, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các sản phẩm nông sản đã qua chế biến của Westfood (công ty con của TSC) được xuất khẩu sang một số nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Đây hầu hết là các thị trường khó tính đòi hỏi nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Sự thay đổi trong chính sách nhập khẩu của từng nước cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nắm bắt được rủi ro này, Westfood thường xuyên tham gia các hội chợ thương mại, chủ động xúc tiến tìm kiếm đối tác mới nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, các sản phẩm nông sản chế biến của Westfood đã được cấp nhiều giấy chứng nhận chất lượng như 9001:2008, Giấy chứng nhận VSATTP, FDA, KOSHER, HACCP, BRC.

Đối với ngành hàng tiêu dùng, Công ty cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết của TSC) chịu rủi ro cạnh tranh mạnh mẽ đặc biệt từ các thương hiệu hàng tiêu dùng lớn trong nước cũng như nước ngoài. Do đó, Công ty cổ phần FIT Cosmetics luôn chú trọng việc đảm bảo chất lượng, xây dựng quảng bá hình ảnh, giữ uy tín, xây dựng niềm tin với người tiêu dùng để giảm bớt rủi ro cạnh tranh này.

1.4. Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu này của TSC là bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trả nợ vay và tăng vốn cho các công ty thành viên.

Việc TSC tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của TSC. Tuy nhiên, diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là khá phức tạp, giá cổ phiếu biến động liên tục. Do vậy, nếu đợt chào bán lần này của TSC ra công chúng rơi vào thời điểm không thuận lợi và việc chào bán cổ phiếu diễn ra không theo kế hoạch sẽ ảnh hưởng phần nào đến kế hoạch tăng vốn điều lệ của TSC. Ngoài ra, do đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này

sẽ gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh như dự kiến. Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết, số tiền thu được không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán, TSC sẽ sử dụng các nguồn vốn khác để bổ sung. Bên cạnh đó, ĐHĐCD đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác với mức giá bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ của TSC.

1.5. Rủi ro pha loãng

Sau khi TSC chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của TSC cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành: 147.648.084 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 49.216.028 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 196.864.112 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu của TSC bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau:

- **Pha loãng về giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty**

- + Trường hợp giá đóng cửa cổ phiếu TSC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền lớn hơn giá phát hành, giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + Pr_1 * I}{1 + I}$$

Trong đó:

- ✓ P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng.
- ✓ P_t : Giá đóng cửa ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền (Giá định: 16.000 đồng/cổ phiếu);
- ✓ Pr_1 : Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu);
- ✓ I : Tỷ lệ tăng vốn tăng thêm với việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (1/3);

Với giá định trên, tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua, giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned} P_{pl} &= \frac{P_t + [Pr_1 * 1/3]}{1 + 1/3} \\ &= \frac{16.000 + 10.000 * 1/3}{1 + 1/3} \\ &= 14.500 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

- + Trường hợp giá đóng cửa cổ phiếu TSC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền nhỏ hơn giá phát hành, giá tham chiếu của cổ phiếu TSC tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

▪ **Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):**

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS): có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà TSC huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

Công thức tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm

✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Dự kiến đợt phát hành này sẽ hoàn thành trong Quý I/2022 đến Quý II/2022, do đó EPS năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng pha loãng, nhưng EPS năm 2022 có thể bị pha loãng do việc tăng số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ.

▪ **Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS):**

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 31/12/2021, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần TSC là 11.598 đồng/cổ phần. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết: Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nếu trên không phải bao giờ cũng xảy ra đồng thời và chúng cũng không liên hệ trực tiếp với nhau. Trường hợp xảy ra, những rủi ro này ít nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của TSC, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề

này.

1.6. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị công ty, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

1.7. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hòa hoãn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Báo cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức Phát hành/TSC: Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
- Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán MB
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Vaco - Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2019 của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ.
Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn UHY - Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2020 và thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ bán niên năm 2021 của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ.
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty.
- Cổ đông: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu: Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổ chức Phát hành.
- Người có liên quan: Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc Công ty đầu tư chứng khoán con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu,

- d) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ TSC/Công ty:	Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
▪ BCTC:	Báo cáo tài chính
▪ BGD	Ban Giám đốc
▪ BKS:	Ban Kiểm soát
▪ CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
▪ CMND:	Chứng minh nhân dân
▪ CP:	Cổ phần
▪ CNĐKDN:	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
▪ ĐKDN:	Đăng ký doanh nghiệp
▪ FMCG:	Ngành hàng tiêu dùng nhanh.
▪ HĐ:	Hợp đồng
▪ HDQT:	Hội đồng quản trị
▪ MBS:	Công ty cổ phần Chứng khoán MB
▪ SXKD:	Sản xuất kinh doanh
▪ TCKT:	Tài chính kế toán
▪ TGD:	Tổng giám đốc
▪ Thuế GTGT:	Thuế giá trị gia tăng
▪ Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ TMCP:	Thương mại cổ phần
▪ TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TP:	Thành phố
▪ TSCĐ:	Tài sản cố định
▪ VKD/Vikoda:	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

- Westfood: Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND: Ủy ban nhân dân
- VND: Đồng Việt Nam
- CTCP: Công ty cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức Phát hành

Tên công ty:	CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	TECHNO - AGRICULTURAL SUPPLYING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TSC
Mã cổ phiếu:	TSC
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở chính:	Số 1D, Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Điện thoại:	02923.825.848
Fax:	02923.825.844
Website:	http://www.tsecantho.com.vn/
Logo Công ty:	



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	số 1800518314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25/07/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2021.
Vốn điều lệ hiện tại:	1.476.480.840.000 đồng (Một nghìn bốn trăm bảy mươi sáu tỷ bốn trăm tám mươi triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)
Ngành nghề kinh doanh:	<ul style="list-style-type: none">- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Ngành, nghề kinh doanh chính). Chi tiết:<ul style="list-style-type: none">o Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp- Bán buôn gạo- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết:<ul style="list-style-type: none">o Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc kháco Bán buôn thực ăn và nguyên liệu làm thực ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản

- o *Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)*
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:
 - o *Bán buôn xi măng*
 - o *Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi*
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết:
 - o *Bán buôn thủy sản*
 - o *Bán buôn rau, quả*
 - o *Bán buôn cà phê*
 - o *Bán buôn chè*
 - o *Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột*
 - o *Bán buôn thực phẩm khác*
- Bán buôn đồ uống
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
 - o *Khách sạn*
 - o *Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày*
 - o *Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày*
 - o *Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự*
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
- Dịch vụ ăn uống khác
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Xử lý hạt giống để nhân giống. Chi tiết:
 - o *Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho. Những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường*
- Chế biến và bảo quản rau quả
- Xay xát và sản xuất bột thô
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Chu Thanh Quân – chức vụ: Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – chức vụ: Chủ tịch HĐQT

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức Phát hành

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tiền thân là Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang có lịch sử hình thành và phát triển đến nay đã gần 46 năm. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh phân bón, xuất khẩu gạo, kinh doanh hoa quả chế biến, thuốc bảo vệ thực vật... Qua gần 46 năm hình thành và phát triển, TSC đã gây dựng được uy tín, thương hiệu đối với người nông dân miền Tây Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

Quá trình hình thành phát triển

- Cuối năm 1976: UBND tỉnh Hậu Giang quyết định thành lập Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang.
- Năm 1986: UBND tỉnh Hậu Giang sáp nhập Công ty giống cây trồng, xi nghiệp giống vào Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang hình thành nên Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Hậu Giang.
- Năm 1992: Khi đăng ký thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Hậu Giang đã được đổi tên thành Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo thông báo số 177/HĐBT/TB ngày 10/10/1992 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm.
- Ngày 25/07/2003: Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo hướng giữ nguyên vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để thu hút thêm vốn.
- Tháng 4/2007: Tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 đồng lên 83.129.150.000 đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, từ phần thuế thu nhập được miễn giảm và phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Ngày 21/06/2007: Công ty trở thành công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 83.129.150.000 đồng.
- Ngày 04/10/2007: Cổ phiếu TSC chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDCK của Tổng giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số cổ phần niêm yết lần đầu là 8.312.915 cổ phần.
- Ngày 01/08/2014: TSC đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ khi trở thành thành viên của Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T với vốn điều lệ 158.129.150.000 đồng.
- Đến nay, TSC có vốn điều lệ là 1.476.480.840.000 đồng. Bên cạnh mảng kinh doanh nông sản, Công ty đã sở hữu các công ty con cấp 1 và công ty con cấp 2 trong lĩnh vực chế biến nông sản và hàng tiêu dùng.
- **Thành tích đạt được**

Trong quá trình gần 46 năm hình thành và phát triển, Công ty đã được phong tặng và khen thưởng những danh hiệu như sau:

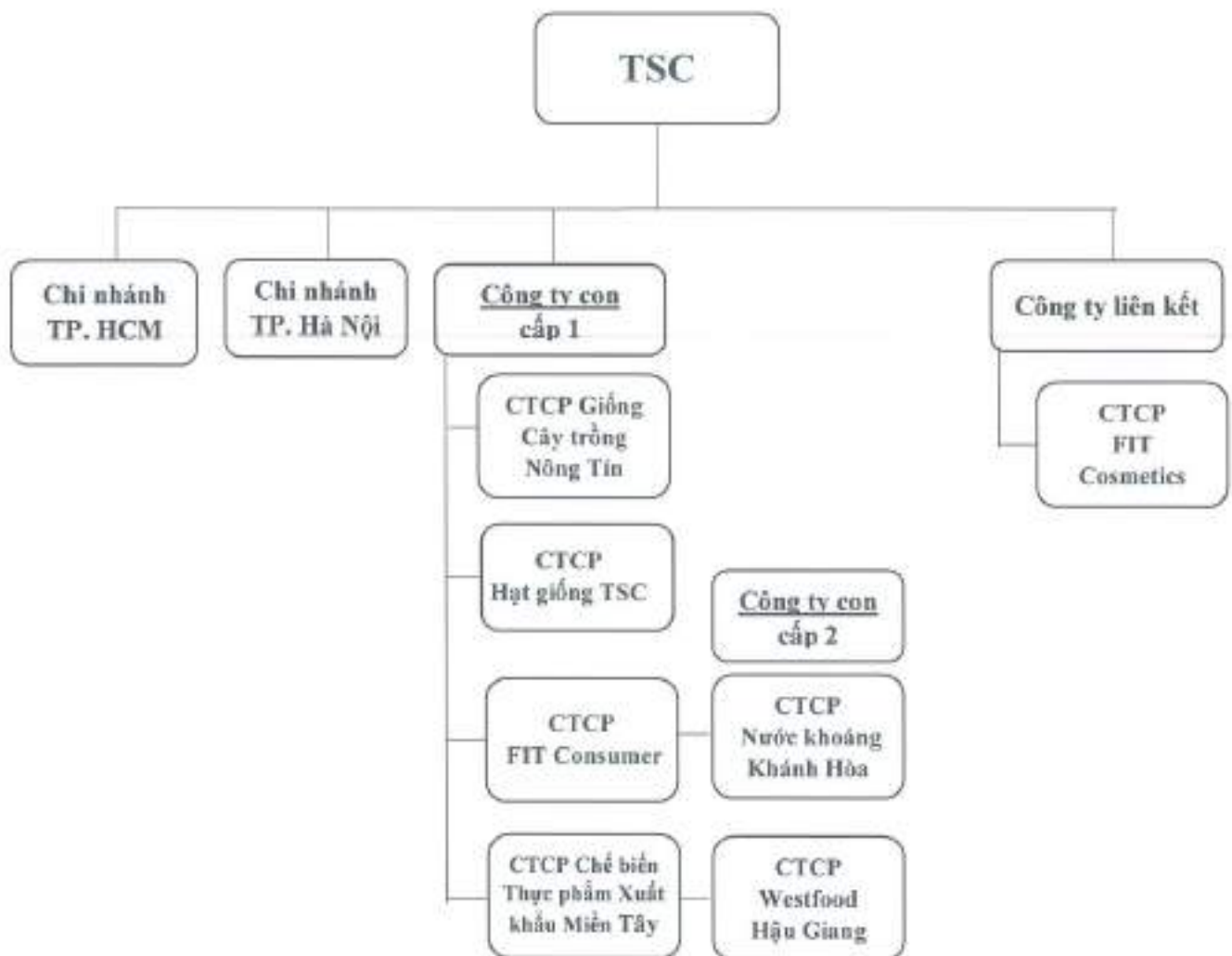
 - Huân chương lao động hạng III năm 1984, Huân chương lao động hạng II năm 1999, huân chương lao động hạng nhất năm 2004;
 - Bằng khen tập thể cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc năm 1998 của Thủ

tướng Chính phủ;

- Bảng khen về thành tích xuất khẩu năm 2001, và 2003 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín” và tặng cúp các năm 2004, 2005, 2006 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Bạn Nhà nông Việt Nam” năm 2005 và 2006 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Bóng lúa vàng Việt Nam” năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Cờ thi đua tặng đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của TSC tại thời điểm 31/12/2021



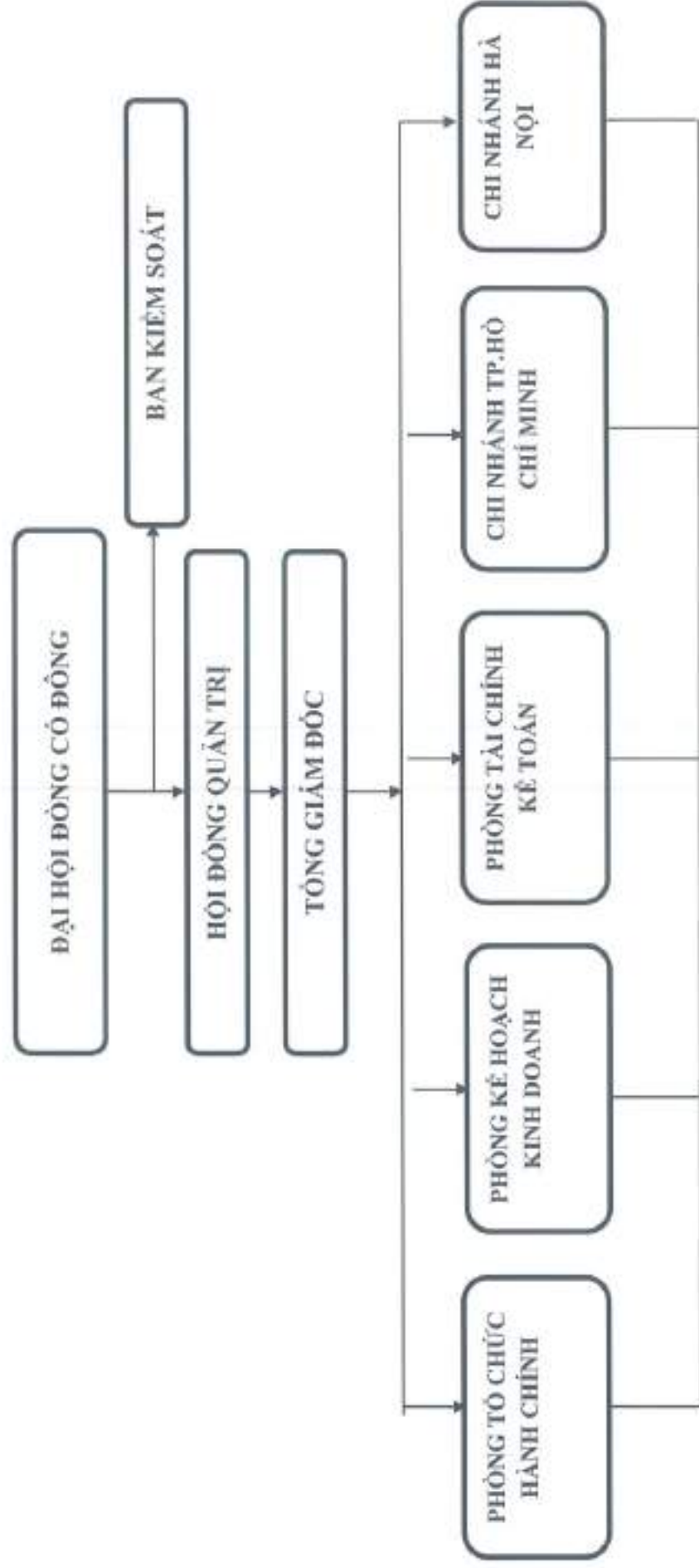
Nguồn: TSC

Hiện tại, Công ty có trụ sở chính đặt tại Cần Thơ và 02 chi nhánh tại TP. HCM và TP. Hà Nội, 04 công ty con cấp 1, 02 công ty con cấp 2 và 01 công ty liên kết.



4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của TSC



Nguồn: TSC

Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm, hiện HĐQT Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ sẽ kết thúc vào ngày 19/4/2024.

HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức chi trả cổ tức;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của HĐQT. Hiện tại Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên; nhiệm kỳ sẽ kết thúc vào ngày 19/4/2024.

Ban Tổng giám đốc

Bộ máy điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty bao gồm Ban Tổng giám đốc, 3 phòng ban chức năng, chi nhánh thành phố Hà Nội và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Tổng giám đốc: Theo Điều lệ Công ty, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT cũng như trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

Tổng giám đốc phụ trách chung mọi hoạt động của Công ty, trực tiếp chỉ đạo kế hoạch kinh doanh, tài chính kế toán, tổ chức hoạt động của Công ty và hoạt động xuất khẩu gạo, nhập khẩu phân bón cũng như chiến lược phát triển của Công ty. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2020.

Phòng Kế hoạch Kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch hằng năm và kế hoạch 05 năm theo chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty bao gồm: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và các kế hoạch biện pháp (Kế hoạch tín dụng, kế hoạch tiếp thị bán hàng, các liên kết kinh tế v.v...) để thực hiện kế hoạch đã đề ra;
- Quản lý hợp đồng kinh tế, hàng hóa, vật tư, theo dõi tình hình mua bán hàng hóa;
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến mua hàng hóa (cả kinh doanh nội địa và hàng nhập khẩu) và bán hàng hóa (cả bán nội địa và xuất khẩu);
- Giúp Tổng giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề phát sinh và đề xuất biện pháp giải quyết;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan chức năng (báo cáo xuất nhập khẩu, báo cáo thống kê v.v...) và báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc;
- Nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, thông tin từ khách hàng và nhà cung cấp để phản ánh kịp thời với Ban Tổng giám đốc;
- Tổ chức lập các dự án đầu tư dưới sự chỉ đạo của Tổng giám đốc để phục vụ cho chiến lược phát triển của Công ty;
- Theo dõi, cập nhật số liệu để đảm bảo việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ đối với một tổ chức niêm yết.

Phòng Tài chính kế toán:

Nhiệm vụ của Phòng Tài chính kế toán là tổ chức thực hiện tốt luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật kế toán tại Công ty, cụ thể:

- Tổ chức hạch toán kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật;
- Tổ chức thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành;
- Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê và các báo cáo tài chính khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty bao gồm cả các bản dự toán dài hạn hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;
- Ghi chép, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ, trung thực và có hệ thống sự tăng giảm các nguồn vốn (bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay, vốn liên doanh, liên kết...) để quay vòng vốn nhanh phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Theo dõi chính xác nợ của Công ty (bao gồm nợ phải thu, nợ phải trả, nợ tạm ứng v.v...) phân ánh và đề xuất kế hoạch thu chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác, thực hiện tốt công tác thanh toán đối nội và công tác thanh toán quốc tế;
- Thực hiện quyết toán quý, 06 tháng, năm đúng tiến độ và thời gian quy định phối hợp với các bộ phận khác trong Công ty để kiểm kê, đánh giá tài sản, vật tư hàng hóa tồn kho cuối mỗi niên độ kế toán để xác định lãi lỗ;
- Thực hiện báo cáo thuế, báo cáo thống kê và các báo cáo khác liên quan đến công tác hạch toán kế toán theo yêu cầu hợp lý của các cơ quan quản lý nhà nước và các ngân hàng thương mại;
- Lập báo cáo để Tổng giám đốc trình HĐQT và ĐHĐCĐ đúng theo Điều lệ Công ty;
- Xây dựng sự phối hợp luân chuyển chứng từ trong toàn Công ty vừa đảm bảo phương châm: chính xác - kịp thời - trung thực - minh bạch và đúng pháp luật vừa đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng trong tổ chức kinh doanh và luân chuyển hồ sơ tài liệu trong toàn Công ty;
- Phòng Tài chính kế toán là bộ phận chủ yếu trong Công ty cung cấp tài liệu cho Công ty kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát Công ty, các đoàn thanh tra kiểm tra và các đối tượng khác theo Điều lệ Công ty.

Phòng Tổ chức - Hành chính

- Quản lý hồ sơ lý lịch nhân viên toàn Công ty, giải quyết các thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, kỷ luật, khen thưởng, nghỉ hưu v.v... Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính là thành viên thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội đồng kỷ luật của Công ty;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV toàn Công ty;
- Quản lý lao động, tiền lương của CBCNV, xây dựng quy chế trả lương trong Công ty trình Tổng giám đốc ban hành;
- Quản lý các tài sản, công cụ lao động, phương tiện vận tải của Công ty, đề xuất các biện pháp duy tu, bảo dưỡng hoặc sửa chữa để tất cả các tài sản phục vụ tốt cho hoạt động của Công ty;
- Quản lý công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính và các con dấu, thực hiện công tác lưu trữ các tài liệu thuộc lĩnh vực được phân công;
- Xây dựng lịch công tác, lịch giao ban, hội họp, sinh hoạt định kỳ và bất thường;
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan và tham gia về an ninh quốc phòng với chính quyền địa phương;
- Thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường nơi làm việc, công tác phòng cháy chữa cháy tại văn phòng Công ty và các bộ phận trực thuộc;
- Trưởng phòng tổ chức hành chính chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng giám đốc về việc quản lý con dấu của Công ty và lưu trữ chứng từ công văn đi, đến (trừ phần hồ sơ

thuộc trách nhiệm lưu trữ của các bộ phận khác).

Chi nhánh Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại thành phố Hồ Chí Minh là một đơn vị trực thuộc Công ty có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- **Nắm bắt thông tin thị trường trong nước (khu vực miền Nam và Tây Nguyên) và ngoài nước liên quan đến phân bón và những lĩnh vực nằm trong chiến lược phát triển của Công ty, báo cáo trao đổi với Ban Tổng giám đốc để Tổng giám đốc Công ty quyết định việc mua bán hàng hóa;**
- **Tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến mua bán hàng hóa, ký hợp đồng bảo hiểm, chỉ định tàu, hợp đồng bốc dỡ hàng với cảng, hợp đồng đóng gói hàng hóa, hợp đồng thuê kho, bãi... tại khu vực miền Nam và Tây Nguyên;**
- **Thực hiện quản lý toàn bộ việc nhập xuất hàng hóa tại khu vực miền Nam và Tây Nguyên cũng như các đại lý, báo cáo kịp thời cho Tổng giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan để theo dõi;**
- **Tình hình hoạt động trong hai năm gần nhất: Từ khi được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận hoạt động, các nhiệm vụ nêu trên được chi nhánh thực hiện thường xuyên, liên tục và ổn định trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay, do ảnh hưởng của ngành nông nghiệp Việt Nam và tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 (từ cuối 2019 đến nay), chi nhánh không có doanh thu, lợi nhuận.**

Chi nhánh Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại TP. Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại TP. Hà Nội là một đơn vị trực thuộc Công ty có các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- **Nắm bắt thông tin thị trường trong nước (khu vực miền Bắc và miền Trung) và ngoài nước liên quan đến phân bón và những lĩnh vực nằm trong chiến lược phát triển của Công ty, báo cáo trao đổi với Ban Tổng giám đốc để Tổng giám đốc Công ty quyết định việc mua bán hàng hóa;**
- **Tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến mua bán hàng hóa, ký hợp đồng bảo hiểm, chỉ định tàu, hợp đồng bốc dỡ hàng với cảng, hợp đồng đóng gói hàng hóa, hợp đồng thuê kho, bãi... tại khu vực miền Bắc và miền Trung;**
- **Thực hiện quản lý toàn bộ việc nhập xuất hàng hóa tại khu vực miền Bắc và miền Trung cũng như các đại lý, báo cáo kịp thời cho Tổng giám đốc Công ty và các phòng ban có liên quan để theo dõi.**
- **Tình hình hoạt động trong hai năm gần nhất: Từ khi được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận hoạt động, các nhiệm vụ nêu trên được chi nhánh thực hiện thường xuyên, liên tục và ổn định trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay, do ảnh hưởng của ngành nông nghiệp Việt Nam và tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 (từ cuối năm 2019 đến nay), chi nhánh không có doanh thu, lợi nhuận.**

5. **Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Phát hành, những công ty mà**

Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**5.1. Công ty mẹ của Tổ chức Phát hành**

Hiện tại, Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T sở hữu 41,0726% tổng số cổ phần phổ thông của TSC. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T vẫn là công ty mẹ của TSC do Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của HĐQT hoặc cấp quản lý tương đương của TSC.

Tên đầy đủ	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T
Trụ sở chính	Tầng 5 tòa nhà Times Tower – HACCI Complex, số 35 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Vốn điều lệ	2.627.302.470.000 VND
Giấy CNĐKDN	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 12/01/2022.
Ngành nghề kinh doanh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chỉ tiết: dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản); tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường; tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực
Tình hình góp vốn	Tính đến 01/12/2021, Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T nắm giữ 60.642.923 cổ phiếu TSC, tương đương với 41,0726% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu của Tổ chức Phát hành tại công ty mẹ	0%

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



5.2. Công ty con của Tổ chức Phát hành

Bảng 1: Công ty con của Tổ chức Phát hành trong năm 2019, 2020, 2021

TT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNDKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)
1	Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	18/06/2003	1800512175	Chế biến và bảo quản rau quả, thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu...	96,66%	96,66%	96,66%	96,66%	95,87%	95,87%
2	Công ty cổ phần Hạt giống TSC (1)	08/10/2014	1801361391	Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp...	98,33%	98,33%	98,33%	99,74%	98,33%	99,74%
3	Công ty cổ phần FIT Consumer (2)	06/11/2015	0313522734	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo	81,52%	81,72%	81,25%	81,72%	81,52%	81,72%



TT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNDKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)
4	Công ty cổ phần Giồng cây trồng Nông Tín	12/07/2013	3901167137	Xử lý hạt giống để nhân giống; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	77,67%	77,67%	77,67%	77,67%	77,67%	77,67%
5	Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang (3)	14/09/2015	6300265343	Chế biến và bảo quản rau quả (Chỉ tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; chế biến và bảo quản rau quả khác)	97,16%	100,00%	94,72%	98,00%	94,72%	98,00%
6	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (4)	09/06/2006	4200283916	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chỉ tiết: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai)	39,94%	49,00%	39,94%	49,00%	64,28%	78,85%

(1) TSC hiện đang sở hữu 57,63% vốn điều lệ; Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 42,11% vốn điều lệ.



- (2) TSC hiện đang sở hữu 69,5% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Hạt giống TSC (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 12,22% vốn điều lệ.
- (3) TSC hiện đang sở hữu 0% vốn điều lệ; Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 98% vốn điều lệ.
- (4) TSC hiện đang sở hữu 0% vốn điều lệ; Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 78,85% vốn điều lệ.

5.3. Công ty liên doanh, liên kết của Tổ chức Phát hành

Bảng 2: Công ty liên kết của Tổ chức Phát hành trong năm 2019, 2020 và 2021.

TT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNDKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ sở hữu của TSC tại các công ty này (%)	Tỷ lệ biểu quyết của TSC tại các công ty này (%)
1	Công ty cổ phần FIT Cosmetics (*)	22/12/2009	0104344157	Nhập khẩu và phân phối hàng tiêu dùng	40,01%	49,08%	32,02%	39,28%	39,94%	49%

(*) TSC hiện đang sở hữu 0% vốn điều lệ; Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 49% vốn điều lệ.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Phát hành
Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng giảm vốn điều lệ của Tổ chức Phát hành

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ được thành lập với hình thức công ty cổ phần từ năm 2003 với vốn điều lệ ban đầu là 25,179 tỷ đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có các lần tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



Bảng 3: Quá trình tăng vốn của Công ty

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	Tháng 4/2007	Từ 60 tỷ đồng lên 83,129 tỷ đồng	23,129	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, từ phần thuế thu nhập được miễn giảm và phát hành cho cổ đông hiện hữu.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	Không có
2	Tháng 8/2014	Từ 83,129 tỷ đồng lên 158,129 tỷ đồng	75,000	Phát hành cho cổ đông chiến lược: - Đối tượng phát hành: Cổ đông chiến lược; - Số lượng phát hành: 7.500.000 cổ phiếu; - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bắt số ngày 24/NQ-CPVTKTNN ngày 27/06/2014 - Công văn số 4087/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 15/7/2014. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 09 ngày 02/12/2014.	Theo Báo cáo kiểm toán vốn số 034/VACO/BCKT.HCM do Công ty TNHH Kiểm toán VACO ký ngày 01/08/2014; Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo thay đổi vốn điều lệ đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình thay đổi vốn điều lệ của Công ty tại ngày 22 tháng 07 năm 2014, phù hợp với các quy định về lập và trình bày báo cáo thay đổi vốn điều lệ tại các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên



					quan đến việc lập và trình bày báo cáo thay đổi vốn điều lệ.	
3	Tháng 5/2015	Từ 158,129 tỷ đồng lên 271,982 tỷ đồng	113,853	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011: - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu; - Số lượng cổ phiếu: 1.106.903 cổ phiếu; - Tỷ lệ chi trả: 7%. ▪ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu; - Số lượng phát hành: 9.487.749 cổ phiếu; - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:60 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 60 cổ phiếu mới). ▪ Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Đối tượng phát hành: người lao động trong Công ty; - Số lượng phát hành: 790.645 cổ phiếu; - Giá phát hành: 10.000 đồng/CP. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bắt số ngày 24/NQ.CPVTKTNN ngày 27/06/2014; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 02/03/2015; - Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu số 67/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty số ngày 66/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 65/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 	<p>Theo Báo cáo kiểm toán vốn số 027/VACO/BCKT.HCM do Công ty TNHH Kiểm toán VACO ký ngày 02/04/2015:</p> <p>Theo ý kiến của chúng tôi + báo cáo thay đổi vốn điều lệ đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình thay đổi vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, phù hợp với các quy định về lập và trình bày báo cáo thay đổi vốn điều lệ tại các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo thay đổi vốn điều lệ.</p>



				<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phát hành: 73.824.042 cổ phiếu; - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu; - Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu cũ được quyền mua 1 cổ phiếu mới) 	<p>ngày 26/6/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của TSC</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 12 ngày 09/10/2015</p>
--	--	--	--	---	---

Nguồn: TSC

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:
- 7.1. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại của Tổ chức phát hành: Không có.
- 7.2. Thông tin về một số khoản góp vốn, thoái vốn khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại của các công ty con của TSC:
- 7.2.1. Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con của TSC):
- Ngày 02/10/2020, Westfood đã hoàn tất việc mua thêm 6.000 cổ phần của Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang với tổng giá phí đầu tư là 60.000.000 đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Westfood tại Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang tăng từ 97,1% lên 98% vốn điều lệ; nâng tỷ lệ sở hữu gián tiếp của TSC tại Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang lên 94,72% vốn điều lệ.
 - Ngày 23/06/2021, Westfood tăng vốn điều lệ thêm 2.469.000.000 VND tương đương với 246.900 cổ phần (chào bán riêng lẻ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021). Theo đó tỷ lệ sở hữu của TSC tại Westfood giảm từ 96,66% xuống còn 95,87% vốn điều lệ.
- 7.2.2. Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC):
- Ngày 22/06/2021, Công ty cổ phần FIT Consumer đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 3.975.947 cổ phần VKD từ Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam với tổng giá phí đầu tư là 308.135.892.500 đồng theo Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT ngày 14/06/2021. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần FIT Consumer tại Vikoda tăng từ 49% lên thành 82,13% vốn điều lệ; tỷ lệ sở hữu của TSC tại Vikoda tăng từ 33,94% lên 66,95% vốn điều lệ.
 - Ngày 23/09/2021, Vikoda tăng vốn điều lệ thêm 5.000.000.000 VND tương đương với 500.000 cổ phần (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động). Theo đó tỷ lệ sở hữu của TSC tại Vikoda giảm xuống còn 64,28% vốn điều lệ.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/03/2021

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	3.111	146.073.509	98,87%
1	Cổ đông tổ chức	24	84.384.438	57,2%
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	3.087	61.689.071	41,71%
3	Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm	0	0	0%

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
	giữ trên 50% vốn điều lệ			
II	Cổ đông nước ngoài	70	1.574.575	1,07%
1	Cổ đông tổ chức	7	866.201	0,59%
2	Cổ đông cá nhân	63	708.374	0,48%
	Tổng cộng	3.181	147.648.084	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 23/03/2021 của Công ty

8.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác: Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức Phát hành theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức Phát hành theo quy định pháp luật:
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 0% (theo Công văn số 3619/UBCK-PTTT ngày 15/07/2021 của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ).
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức Phát hành hiện tại: 1,07% vốn điều lệ của TSC tính đến thời điểm 23/03/2021.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Hoạt động kinh doanh chính

10.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

❖ Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

➢ Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh của công ty mẹ

- TSC hiện đang là Công ty chuyên sản xuất và xuất khẩu nông sản. Sản phẩm của Công ty hiện đang được xuất khẩu sang một số nước như Trung Quốc, Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập....
- Nhờ thiên nhiên đa dạng và khí hậu nhiệt đới, Việt Nam có thể sản xuất nhiều sản phẩm độc đáo, có giá trị thương mại cao. Hiện tại, TSC đang kinh doanh một số nông sản đặc trưng của Việt Nam như tinh bột sắn, gạo ...



TINH BỘT SẴN



GẠO JAPONICA 5% TÂM



GẠO KDM 5% TÂM



➤ **Sản phẩm, dịch vụ kinh doanh của các công ty con và công ty liên kết**

▪ **Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín (công ty con)**

Các sản phẩm chính của Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín bao gồm giống cây trồng như ngô, lúa, rau,... có chất lượng cao. Ngoài ra, Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín còn cung cấp dịch vụ xử lý hạt giống để nhân giống, nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Tuy nhiên, do khó khăn chung của thị trường trong nước những năm vừa qua, các sản phẩm và dịch vụ này hiện đang tạm ngừng phân phối, cung cấp.

▪ **Công ty cổ phần Hạt giống TSC (công ty con)**

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Hạt giống TSC là nghiên cứu để phân phối độc quyền các loại hạt giống như ngô, lúa, rau,... có chất lượng cao. Tuy nhiên, do khó khăn chung của thị trường trong nước những năm vừa qua, các sản phẩm này hiện đang tạm ngừng phân phối.

▪ **Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con)**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty cổ phần FIT Consumer thông qua việc sở hữu công ty con (Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa) bao gồm các sản phẩm nước khoáng đóng chai, đóng lon như:



Nước khoáng thiên nhiên



Nước khoáng có ga



Nước tăng lực



Nước yến sào

Quy trình sản xuất, công nghệ áp dụng: Vikoda là đơn vị đầu tiên tại Khánh Hòa đạt chứng chỉ quốc tế Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002 và đến nay đã nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2008. Ngoài ra, Vikoda đã đạt được chứng nhận Hệ thống An toàn Vệ sinh Thực phẩm HACCP. Hiện nay, với hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại, mạng lưới chi nhánh, văn phòng đại diện và đại lý rộng khắp, Vikoda đang cung cấp nhiều loại sản phẩm với chất lượng cao phục vụ nhu cầu tiêu dùng đa dạng của người tiêu dùng trên cả nước.

Tính thời vụ: Các sản phẩm này của Vikoda là các mặt hàng thiết yếu, được sản xuất và tiêu dùng quanh năm.

▪ **Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con cấp 1) và Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang (công ty con cấp 2)**

Các sản phẩm chính của nhóm công ty này bao gồm các sản phẩm nông sản (dứa, xoài, nha đam...) đã qua chế biến được xuất khẩu sang một số nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Quy trình sản xuất, công nghệ áp dụng: Từ những rau quả ngon hái từ trang trại, Westfood vận chuyển về nhà máy để chế biến, đóng gói ngay trong ngày. Khâu chế biến được thực hiện tại nhà xưởng kháng trang sạch sẽ, máy móc hiện đại và dưới sự giám sát chặt chẽ của các chuyên gia giàu kiến thức và kinh nghiệm từ khâu tiết trùng, chế biến, đóng gói, đến khi vận chuyển. Hoạt động R&D của Westfood cũng được đầu tư để không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Đó là những lý do sản phẩm của Westfood giữ nguyên các chất dinh dưỡng và hương vị tươi ngon như vừa hái và được chứng nhận đạt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của các tổ chức uy tín thế giới như: giấy chứng nhận an toàn thực phẩm HACCP, giấy chứng nhận BRC; giấy chứng nhận KOSHER, giấy phép được xuất khẩu hàng hóa trực tiếp vào thị trường Hoa Kỳ bởi Cục Quản Lý Dược phẩm và Thực phẩm Hoa Kỳ (FDA), cùng nhiều chứng nhận về an toàn thực phẩm khác.

Một số sản phẩm của Westfood mang tính thời vụ do đặc thù của hàng nông sản. Dứa được trồng nhiều nhất từ tháng 3 đến tháng 7 hàng năm, xoài được trồng ở miền Tây thường 2 vụ bao gồm tháng 4 đến tháng 5 và tháng 12 đến tháng 1. Tuy nhiên, Westfood hiện đang nghiên cứu để đa dạng hóa hơn nữa các sản phẩm của mình, nhằm tránh bị ảnh hưởng xấu do tính thời vụ của hàng hóa nông sản.



Sản phẩm đóng lon



Sản phẩm đông lạnh



Sản phẩm đóng ly nhựa



Sản phẩm đóng lọ thủy tinh

▪ **Công ty cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết)**

Công ty cổ phần FIT Cosmetics sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa mỹ phẩm như nước rửa tay, nước giặt, sữa tắm...

Quy trình sản xuất, công nghệ áp dụng: Công ty cổ phần FIT Cosmetics đã cho ra

đòi nhiều sản phẩm đa dạng và phong phú được sản xuất theo công nghệ nhập khẩu từ châu Âu cho đến Hàn Quốc. Tất cả sản phẩm đều theo tiêu chuẩn chất lượng và thẩm mỹ người tiêu dùng châu Á, được thể hiện ở các tính năng độc đáo, màu sắc tinh tế, thanh nhã và độ an toàn cao.

Các sản phẩm này của Công ty cổ phần FIT Cosmetics là các mặt hàng thiết yếu, được sản xuất và tiêu dùng quanh năm.



Nước giặt đa năng



Gel rửa tay không dùng nước



Sữa tắm Nuwhite



Nước hoa xịt phòng



Kem đánh răng



Xịt lau kính

❖ Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

▪ Cơ cấu doanh thu của Công ty theo từng sản phẩm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm của Công ty mẹ qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	129.160	91,6%	168.397	99,5%	131.414	99,6%
Doanh thu bán thành phẩm	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
Doanh thu khác	11.909	8,4%	853	0,5%	523	0,6%
Tổng cộng	141.069	100%	169.250	100%	131.946	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu theo từng sản phẩm hợp nhất qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	169.475	40,3%	169.183	36,6%	131.414	25,2%
Doanh thu bán thành phẩm	249.974	59,4%	290.808	63,0%	390.620	74,8%
Doanh thu khác	1.477	0,4%	1.923	0,4%	0	0%
Tổng cộng	420.925	100%	461.915	100%	522.034	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

▪ Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm của Công ty mẹ qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng	12.865	79,6%	12.672	93,7%	6.202	92,1%
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Lợi nhuận gộp khác	3.290	20,4%	853	6,3%	532	7,9%
Tổng cộng	16.155	100%	13.525	100%	6.734	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng sản phẩm của Công ty hợp nhất qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng	13.404	21,9%	12.086	16,6%	6.201	6,2%
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	47.689	77,7%	60.938	83,4%	93.657	93,8%
Lợi nhuận gộp khác	246	0,4%	-	0,0%	-	0,0%
Tổng cộng	61.339	100%	73.024	100%	99.858	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

10.1.2. Tài sản

Giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021 như sau:

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	18.555,5	14.583,0	3.972,5
Nhà cửa và vật kiến trúc	17.589,3	13.635,9	3.953,4
Máy móc thiết bị	966,2	947,1	19,1
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-
Phần mềm	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2019 được kiểm toán của TSC

Bảng 10: Tình hình tài sản hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	178.497	89.926	88.571
Nhà cửa và vật kiến trúc	77.059	42.406	34.653
Máy móc thiết bị	88.248	39.577	48.671
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.186	5.489	2.697
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác	5.004	2.454	2.550
Tài sản cố định vô hình	64.588	5.748	58.840
Quyền sử dụng đất	64.588	5.748	58.840
Phần mềm	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 được kiểm toán của TSC



Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	18.555,55	15.557,67	2.997,88
Nhà cửa và vật kiến trúc	17.589,34	14.600,60	2.988,74
Máy móc thiết bị	966,21	957,07	9,14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-
Phần mềm	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2020 được kiểm toán của TSC

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	190.130	105.787	84.343
Nhà cửa và vật kiến trúc	77.649	48.780	28.869
Máy móc thiết bị	99.171	47.717	51.454
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.266	6.132	2.134
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác	5.044	3.159	1.885
Tài sản cố định vô hình	72.525	7.239	65.286
Quyền sử dụng đất	72.525	7.239	65.286
Phần mềm	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của TSC



Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tính đến thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	18.555,5	16.516,4	2.039,2
Nhà cửa và vật kiến trúc	17.589,3	15.550,2	2.039,2
Máy móc thiết bị	966,2	966,2	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-
Phần mềm	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng Quý IV năm 2021 của TSC

Bảng 14: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tính đến thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	325.180	232.841	92.339
Nhà cửa và vật kiến trúc	110.188	82.959	27.229
Máy móc thiết bị	193.437	134.950	58.487
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.880	12.016	4.865
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định hữu hình khác	4.675	2.916	1.758
Tài sản cố định vô hình	74.107	9.681	64.426
Quyền sử dụng đất	72.525	8.890	63.635
Phần mềm	1.582	791	791

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021



Bảng 15: Bất động sản đầu tư tính đến 31/12/2021

Đơn vị: triệu đồng

Tên bất động sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà kho Cái Sơn - Hàng Bàng, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Kho 2)	6.188	6.188	-
Đất tại Cái Sơn - Hàng Bàng, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (1.614,2m ²)	1.390	-	1.390
Đất nông nghiệp mua để xây dựng tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (3.841,5m ²)	5.863	-	5.863
Đất trồng lúa tại tỉnh Hậu Giang - 11 miếng (54.514m ²)	2.851	-	2.851
Đất trồng cây lâu năm tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (3.691,90 m ²)	36.919	-	36.919
Đất trồng lúa tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (2.438,7 m ²)	24.630	-	24.630
Tổng cộng	77.840	6.188	71.653

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất Quý IV năm 2021 của TSC

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không nhận thấy nguy cơ sụt giảm giá trị các bất động sản đầu tư. Các bất động sản của nhóm công ty TSC đang sở hữu đều được mua vào từ nhiều năm trước. Với biến động tăng giá của thị trường bất động sản, đặc biệt là trong các năm gần đây, Công ty nhận thấy giá trị bất động sản đầu tư đang hạch toán ở mức giá thấp so với mặt bằng thị trường. TSC tin tưởng rằng, việc không trình bày thông tin giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không làm ảnh hưởng đến khoản mục lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên các báo cáo tài chính.

10.1.3. Thị trường hoạt động

Công ty không chỉ hoạt động trong thị trường Việt Nam, mà còn xuất khẩu nông sản sang một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản... Cơ cấu doanh thu theo thị trường như sau:

Bảng 16: Cơ cấu doanh thu theo thị trường của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Doanh thu nội địa	63.127	15%	107.020	23%	214.548	41,16%
Doanh thu tại châu Âu	39.527	9%	44.378	10%	51.807	9,91%
Doanh thu tại Nhật Bản	52.527	12%	48.024	10%	36.117	6,91%
Doanh thu tại Hàn Quốc	35.399	8%	37.754	8%	56.086	10,73%
Doanh thu tại Nga và Đông Âu	2.163	1%	2.567	1%	3.423	0,66%
Doanh thu tại Mỹ	36.676	9%	38.784	8%	25.784	4,93%
Doanh thu tại Australia - New Zealand	42.472	10%	51.288	11%	31.466	6,02%
Doanh thu tại Trung Quốc	121.708	29%	92.925	20%	78.626	15,05%
Doanh thu tại các nước châu Á khác	27.326	6%	39.175	8%	24.177	4,63%
Tổng cộng	420.925	100%	461.915	100%	522.034	100%

Nguồn: TSC

10.1.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Năm 2021 là một năm nhiều khó khăn với các doanh nghiệp nói chung và với TSC nói riêng. Tuy nhiên, Công ty vẫn đạt được những kết quả tích cực. Doanh thu thuần năm 2020 đạt 517,5 tỷ đồng, tăng 12% so với 2020; lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ đạt 114,8 tỷ đồng, tăng 1.239% so với cùng kỳ. Năm 2021, TSC đạt doanh thu thuần là 517,4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 132,05 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ năm 2020/2019	Năm 2021	Tỷ lệ năm 2021/2020
1	Doanh thu thuần	416.769	460.146	110%	517.481	112%
2	Lợi nhuận gộp	61.339	73.024	119%	99.858	137%
3	Lợi nhuận thuần từ	54	20.826	38.567%	136.965	658%



STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ năm 2020/2019	Năm 2021	Tỷ lệ năm 2021/2020
	hoạt động kinh doanh					
4	Lợi nhuận trước thuế	6.530	21.205	325%	137.423	648%
5	Lợi nhuận sau thuế	750	16.788	2.238%	132.055	787%
6	Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	1.385	16.891	1.219%	114.836	680%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021.

- Đối với mảng kinh doanh thương mại: Công ty hạn chế tối đa rủi ro trong mảng kinh doanh nông sản, tập trung đầu tư vào những nông sản mang lại nguồn lợi cao, có lợi thế và khả năng cạnh tranh như tinh bột sắn. Doanh thu thuần mảng thương mại năm 2021 đạt 131,9 tỷ đồng giảm 22% so với cùng kỳ.
- Đối với mảng kinh doanh giống cây trồng: Công ty vẫn đang tìm phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín và Công ty cổ phần Hạt giống TSC. Công ty không phát sinh doanh thu từ mảng này trong năm 2021.
- Trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh: với chiến lược nhằm tạo ra các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường, TSC đã có những chuyển mình đáng kể trong năm 2021. Cụ thể như sau:
 - Mảng nước khoáng, nước giải khát (thông qua công ty con Vikoda): nhờ điều chỉnh chiến lược kinh doanh và sản phẩm đúng đắn, tập trung vào sản phẩm nước khoáng và các thị trường có thể mạnh truyền thống, Vikoda đã có nhiều bước tiến trong năm 2021. Dù vẫn bị ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, doanh thu thuần 2021 đạt 248 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ 2020 do các khó khăn từ dịch bệnh.
 - Mảng hoá mỹ phẩm (thông qua công ty liên kết là Công ty cổ phần FIT Cosmetics): Năm 2021, tiếp tục tập trung vào hoạt động tái cơ cấu đội ngũ bán hàng (tinh gọn, hiệu quả, tăng năng suất bán hàng bình quân), tái cơ cấu danh mục 4 sản phẩm, loại các SKU doanh số thấp, không có triển vọng, tập trung vào các ngành hàng có size lớn, nhiều tiềm năng. Năm 2022, dự kiến sẽ thấy rõ hiệu quả của các hoạt động tái cấu trúc này. Doanh thu thuần năm 2021 đạt 56,27 tỷ đồng, giảm 51,8% so với cùng kỳ năm 2020.
 - Mảng chế biến thực phẩm xuất khẩu (thông qua công ty con Westfood): đã đầu tư phát triển vùng nguyên liệu dừa MD2 (khóm MD2) với mục đích phát triển dòng sản phẩm dừa mới, hiệu quả hơn cả về chất lượng sản phẩm và giá trị thương mại, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng trên thị trường và qua đó gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Westfood hiện đang sở hữu 04 dây chuyền IQF và 02 dây chuyền đóng lon thanh trùng theo công nghệ sản xuất tiêu chuẩn châu Âu cùng hệ thống dây chuyền tiền đông, cắt và cấp đông nhanh cá thể hoàn toàn tự động, đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của



những thị trường lớn. Trong những năm qua, ngoài việc tiếp tục phát triển quy mô vùng nguyên liệu chính, Westfood đã đầu tư thêm dây chuyền đóng cốc nhựa và máy phóng nhãn hiện đại của Hàn Quốc, nhằm đa dạng hóa và gia tăng công suất sản lượng mảng kinh doanh sản phẩm đóng hộp.

Ngoài ra, Westfood đã đầu tư rất nhiều cho hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại, bắt đầu được đưa vào hoạt động từ các năm trước. Đây chính là một trong những lợi thế cạnh tranh giúp cho đối tác Hàn Quốc mà còn nhiều đối tác tiềm năng khác như Nhật Bản, châu Âu, Mỹ... tin tưởng lựa chọn Westfood là đối tác tin cậy và hợp tác lâu dài. Với những yếu tố sẵn có về vùng nguyên liệu và hạ tầng cơ sở, Westfood hiện đang có sự chuyển mình tích cực trong hiện tại.

Bên cạnh đó với sự đầu tư lớn và hoạch định chiến lược rõ ràng từ công ty mẹ, Westfood đang trên đà phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của mình, hướng tới trở thành một trong những công ty xuất nhập khẩu trái cây cấp đông, đóng lon và đóng cốc nhựa lớn tại Việt Nam. Năm 2021, Westfood đạt doanh thu thuần 279 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2020.

• Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết:

Tại 30/6/2021: Theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét của TSC, tại ngày 30/06/2021, TSC đang sở hữu 248,25 tỷ đồng cổ phiếu chưa niêm yết, thông tin chi tiết khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết bao gồm:

- Đầu tư 123,15 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt;
- Đầu tư 36 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam;
- Đầu tư 89,1 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng.

+ Tại 31/12/2021: Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2021 của TSC, tại ngày 31/12/2021, TSC đang sở hữu 239,656 tỷ đồng cổ phiếu chưa niêm yết, thông tin chi tiết khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết bao gồm:

- Đầu tư 54,32 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt;
- Đầu tư 113,35 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam;
- Đầu tư 72 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng.

Đây là các khoản đầu tư vào cổ phiếu bằng tiền nhân rồi của TSC, mục đích bán lấy lời trong thời gian ngắn, tăng hiệu quả sử dụng vốn của TSC. Các cổ phiếu này là cổ phiếu của các công ty là đối tác lâu năm của TSC. Việc sở hữu cổ phiếu của các công ty này dựa trên sự hiểu biết rõ của Ban lãnh đạo về tình hình tài chính của các doanh nghiệp cũng như tính thanh khoản cao của các khoản đầu tư này. Do vậy, TSC có sự tin tưởng chắc chắn về việc thu được lợi nhuận từ các khoản đầu tư ngắn hạn này. Thực tế cho thấy, nửa cuối năm 2021, nhóm công ty TSC đã bán một phần cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt và Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng với mức lãi cao hơn 10%/năm. Trong năm 2022, nhóm công ty TSC dự kiến sẽ tiếp tục thoái các khoản đầu tư này để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh chính.



▪ Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

Ngày 22/06/2021, Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC) đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 3.975.947 cổ phiếu VKD. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần FIT Consumer tại Vikoda tăng từ 49% lên thành 82,13% vốn điều lệ; tỷ lệ sở hữu của TSC tại Vikoda tăng từ 33,94% lên 66,95% vốn điều lệ.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, giá cổ phiếu VKD trên sàn UPCoM là 77.500 đồng/cổ phiếu. Do vậy, theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn về việc xác định lợi thế thương mại khi hợp nhất công ty con, TSC phải đánh giá lại giá phí khoản đầu tư ban đầu theo giá trị của cổ phiếu tại thời điểm mua để đạt được quyền kiểm soát. Vì vậy, tổng giá phí khoản đầu tư của Công ty cổ phần FIT Consumer vào Vikoda (763,83 tỷ đồng) cao hơn so với phần sở hữu của Công ty cổ phần FIT Consumer trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của Vikoda theo báo cáo tài chính (142,84 tỷ đồng), với mức lớn hơn là 620,99 tỷ đồng.

TSC chấp nhận mua lại cổ phiếu VKD với mức giá cao hơn giá trị sổ sách, bởi Vikoda sở hữu nguồn khoáng kiềm giá trị lớn, là một trong những mỏ nước khoáng kiềm tự nhiên tốt nhất hiện nay, nhưng giá trị sổ sách của doanh nghiệp chưa phản ánh được. TSC kỳ vọng sẽ phát huy được giá trị khoản này trong tương lai. Bên cạnh đó, khoản lợi thế thương mại mà TSC phải ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất này sẽ được phân bổ dần trong 10 năm.

Sơ bộ về một số hoạt động đầu tư của TSC tại các công ty con như sau:

❖ Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con)

Tình hình tài chính của Westfood giai đoạn năm 2016 – 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	235	163	166	160	225	240
Tài sản dài hạn	221	271	269	269	257	236
Tổng tài sản	457	434	436	430	482	476
Nguồn vốn						
Nợ phải trả	91	51	44	31	64	40
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	<i>69</i>	<i>33</i>	<i>36</i>	<i>31</i>	<i>64</i>	<i>40</i>
Vốn chủ sở hữu	365	383	392	399	418	436
Tổng nguồn vốn	457	434	436	430	482	476



Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Khả năng tự tài trợ						
Hệ số tự tài trợ	0.80	0.88	0.90	0.93	0.87	0.92
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	1.65	1.41	1.46	1.48	1.63	1.85
Khả năng thanh toán						
Khả năng thanh toán tổng quát	5.02	8.51	9.91	13.87	7.53	11.90
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	3.41	4.94	4.61	5.16	3.52	6.00
Kết quả hoạt động						
Doanh thu thuần	295	274	290	253	292	279
Tăng trưởng (% YOY)	12%	-7%	6%	-13%	16%	-4%
Giá vốn	248	220	234	205	232	227
Tăng trưởng (% YOY)	23%	-11%	7%	-13%	13%	-2%
Lợi nhuận gộp	47	54	55	48	60	52
Tăng trưởng (% YOY)	-25%	14%	3%	-13%	25%	-13%
Biên lợi nhuận gộp (%)	16%	20%	19%	19%	21%	19%
Lợi nhuận sau thuế	9	17	15	7	20	18
Tăng trưởng (% YOY)	-81%	94%	-16%	-49%	164%	-10%
ROE (%)	2,5%	5%	4%	1,9%	5%	4%
ROA (%)	2,0%	4%	3%	1,7%	4%	4%

Doanh thu của WestFood trong giai đoạn năm 2016 – 2021 ổn định trong khoảng 279 tỷ đồng, lợi nhuận gộp trong khoảng 50 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp dao động trong khoảng 20%, lợi nhuận sau thuế tăng từ 9 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng. Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu và tài sản trong khoảng 2,5 - 4%.

❖ **Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà (công ty con cấp 2)**

Tình hình tài chính của Vikoda giai đoạn năm 2016 – 2021 như sau:



Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	45	68	72	113	130	210
Tài sản dài hạn	177	167	160	150	137	106
Tổng tài sản	222	235	232	264	267	315
Nguồn vốn						
Nợ phải trả	67	80	77	93	93	123
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	<i>55</i>	<i>63</i>	<i>71</i>	<i>82</i>	<i>83</i>	<i>113</i>
Vốn chủ sở hữu	155	155	155	171	174	192
Tổng nguồn vốn	222	235	232	264	267	315
Khả năng tự tài trợ						
Hệ số tự tài trợ	0,70	0,66	0,67	0,65	0,65	0,61
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	0,88	0,93	0,97	1,14	1,27	1,82
Khả năng thanh toán						
Khả năng thanh toán tổng quát	0,68	0,86	0,94	1,22	1,39	2,56
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,82	1,09	1,02	1,38	1,56	1,86
Kết quả hoạt động						
Doanh thu thuần	188	211	217	290	248	248
Tăng trưởng (% YOY)	15%	12%	3%	34%	-15%	0%
Giá vốn	168	159	163	167	142	149
Tăng trưởng (% YOY)	54%	-5%	3%	2%	-15%	3%
Lợi nhuận gộp	21	53	54	123	106	99
Tăng trưởng (% YOY)	-63%	156%	3%	128%	-14%	-5%
Biên lợi nhuận gộp (%)	11%	25%	25%	42%	43%	40%
Lợi nhuận sau thuế	3	-0,01	-0,22	16	2,6	13
Tăng trưởng (% YOY)	-71%	-100%	-1926%	7326%	-84%	412%
ROE (%)	1,9%	0%	0%	9,5%	3%	7%
ROA (%)	1,3%	0%	0%	6,1%	2%	4%

Doanh thu của Vikoda tăng mạnh trong giai đoạn năm 2016 – 2021 tăng từ 188 tỷ đồng



lên 248 tỷ đồng, lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 21 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 11% lên 40%, lợi nhuận sau thuế cũng tăng mạnh từ 3 tỷ đồng lên 13 tỷ đồng.

Doanh nghiệp kỳ vọng các năm trong tương lai khi kế hoạch mở rộng thị trường với các dòng sản phẩm mới cao cấp, có lợi cho sức khoẻ người tiêu dùng gắn với các giá trị cốt lõi, khác biệt của Vikoda được đưa ra theo lộ trình và chiến lược sản phẩm sẽ giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có kết quả tích cực hơn.

10.1.5. Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

Bảng 17: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực thực hiện trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Điều khoản đặc biệt	Đã/đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, BKS, BTGD, CBD
I. Hợp đồng đầu vào									
Năm 2019									
1	HĐ 05/HĐMB /TTL- TSC/2019	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	15/12/2019	T12/2019 - T3/2020	19.836	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
2	HĐ 04/HĐMB /TTL- TSC/2019	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	01/12/2019	T12/2019	19.609	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
3	HĐ 03/HĐMB /TTL- TSC/2019	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	15/11/2019	T11/2019 - T12/2019	19.228	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
Năm 2020									
1	HĐ 13/HĐMB /TTL- TSC/2020	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL	Tinh bột sắn	01/12/2020	T12/2020 - T1/2021	25.205	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ



TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Điều khoản đặc biệt	Đã/đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, BKS, BTGB, CDL
		DEVELOPMENT SOLE CO., LTD							
2	HD 15/HĐMB /TTL- TSC/2020	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	30/12/2020	T1/2021	24.885	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
3	HD 09/HĐMB /TTL- TSC/2020	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	10/08/2020	T8/2020 - T9/2020	21.727	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
Năm 2021 (T1/2021 - nay)									
1	HD 16/HĐMB /TTL- TSC/2021	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	01/01/2021	T1/2021 - T7/2021	37.847	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
2	HD 17/HĐMB /TTL- TSC/2021	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	15/02/2021	T5/2021 - T9/2021	23.698	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
3	HD 18/HĐMB /TTL- TSC/2021	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	15/07/2021	T8/2021- nay	25.962	Không có	Đang thực hiện	Không có mối quan hệ
II. Hợp đồng đầu ra									
Năm 2019									
1	2004/TBS -BR/2019	Công ty HH XNK Phúc Thuận Bằng Tường Quảng Tây	Tinh bột sắn	20/04/2019	T4/2019 - T6/2019	24.850	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Điều khoản đặc biệt	Đã/đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, BKS, BTGB, CDL
2	2705/TBS-BR/2019	Nanning Hai Shengda Trading Co., LTD	Tinh bột sắn	27/05/2019	T5/2019 - T6/2019	15.140	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
3	0501/TBS-BR/2019	Hợp tác xã chuyên nghiệp nông nghiệp quảng thuận TP Bằng Tường	Tinh bột sắn	05/01/2019	T3/2019 - T4/2019	10.105	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
Năm 2020									
1	1611/TBS-BR/2020	SumStar Group Crop	Tinh bột sắn	16/11/2020	T11/2020 - T12/2020	17.145	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
2	2011/TBS-BR/2020	SumStar Group Crop	Tinh bột sắn	20/11/2020	T12/2020	11.504	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
3	0508/TSC-HT/2020	Công ty TNHH XNK Hùng Tiến	Tinh bột sắn	05/08/2020	T8/2020 - T9/2020	10.010	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
Năm 2021 (T1/2021 - nay)									
1	0104/TBS-BR/2021	Hợp tác xã chuyên nghiệp nông nghiệp quảng thuận TP Bằng Tường	Tinh bột sắn	01/04/2021	T5/2021 - T9/2021	12.212	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
2	0401/TBS-BR/2021	NANNING HAI SHENGDA TRADING CO., LTD	Tinh bột sắn	04/01/2021	T1/2021 - T9/2021	9.763	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ
3	1008/TBS-BR/2021	Công ty Hữu Hạn Mậu Dịch XNK Thiên Thiên Malipo	Tinh bột sắn	10/08/2021	T8/2021	12.852	Không có	Đã thực hiện	Không có mối quan hệ

Nguồn: TSC

10.1.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 18: Các khách hàng lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay

STT	Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/tổng doanh thu (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với HĐQT, BKS, BTGD, CDL
Năm 2019					
1	Công ty TNHH XNK Phúc Thuận Bằng Tường - Quảng Tây	T1/2019-T12/2019	22,7%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
2	Công ty TNHH MTV Tư Vấn TM DV Hoa và Tiến	T4/2019-T12/2019	20,7%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
3	NANNING HAI SHENGDA TRADING CO., LTD	T4/2019-T12/2019	14,4%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
Năm 2020					
1	SumStar Group Corp	T11/2021-T1/2021	21,5%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
2	Công ty TNHH XNK Nông Sản Mạnh Phát	T6/2021-T10/2020	15,0%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
3	Công ty TNHH MTV Tư Vấn TM DV Hoa và Tiến	T1/2020-T4/2020	12,9%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
Năm 2021 (T1/2021 - nay)					
1	Hợp tác xã chuyên nghiệp nông nghiệp quảng thuận TP Bằng Tường	T5/2021	20,9%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
2	China Sdic International Trade CO., LTD	T1/2021-T2/2021	17,7%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
3	Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại XNK Tân Hồng Phát	T1/2021-T9/2021	15,3%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ

Nguồn: TSC

Bảng 19: Các nhà cung cấp lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay



STT	Tên nhà cung cấp	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với HDQT, BKS, BTGD, CDL
Năm 2019					
1	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	T1/2019-T12/2019	74,7%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
2	Công ty TNHH SX Tinh bột khoai mì Bình Minh	T7/2019-T9/2019	11,5%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
3	Công ty TNHH Thương mại Sơn Hà	T5/2019-T12/2019	2,4%	Dịch vụ vận tải	Không có mối quan hệ
Năm 2020					
1	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	T1/2020-T12/2020	90,7%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
2	FOSHAN GUANGJI TRADING CO., LTD	T5/2020-T8/2020	1,7%	Máy nghiền sắn + Lưỡi mài sắn	Không có mối quan hệ
3	Công ty TNHH Thương mại Sơn Hà	T1/2020-T12/2020	1,1%	Dịch vụ vận tải	Không có mối quan hệ
Năm 2021 (T1/2021 - nay)					
1	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	T1-T9/2021	97,5%	Tinh bột sắn	Không có mối quan hệ
2	Công ty cổ phần Tiếp vận Quốc tế Rừng Xanh	T1/2021	0,9%	Dịch vụ vận tải	Không có mối quan hệ
3	Ping Xiang New Power Trade CO., LTD	T1/2021	0,5%	Lưỡi mài sắn	Không có mối quan hệ

Nguồn: TSC

10.1.7. Vị thế của Tổ chức Phát hành trong ngành

▪ Vị thế của Tổ chức Phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

TSC trước kia là một trong các doanh nghiệp phân phối phân bón lớn, đặc biệt là đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, miền Tây và Đông Nam Bộ.

Những năm gần đây, theo định hướng chiến lược mới, Công ty chỉ tập trung vào việc kinh doanh và xuất khẩu nông sản. Ngoài ra, thông qua việc đầu tư vào công ty con là Westfood, TSC đang đẩy mạnh phát triển mảng xuất khẩu quả đông lạnh. Westfood hiện đang sở hữu 04 dây chuyền IQF theo công nghệ tiêu chuẩn châu Âu và 02 dây chuyền đóng lon thanh trùng hiện đại. Năm 2020, Westfood đã đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu dứa MD2 với mục tiêu phát triển dòng sản phẩm dứa mới, hiệu quả hơn về chất lượng và giá trị thương mại. Sản phẩm của Westfood được xuất khẩu sang nhiều thị trường tương đối khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Australia....

Về vị thế và thị phần của Công ty trong phân khúc ngành kinh doanh và xuất khẩu nông sản, Công ty không có thông tin của các đối thủ cạnh tranh trong ngành. Do đó Công ty không đánh giá vị thế và thị phần của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành kinh doanh và xuất khẩu nông sản.

▪ Triển vọng phát triển của ngành:

Theo Báo cáo của Vụ Kế hoạch - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ngày 16/06/2021, những năm qua, ngành sản xuất chế biến thực phẩm Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng của ngành công nghiệp cũng như tăng trưởng kinh tế của cả nước với tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân trong 05 năm 2016-2020 là 7%/năm. Giá trị sản xuất của ngành sản xuất chế biến thực phẩm chiếm tỷ trọng 19,1% trong nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam. Đây là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, thể hiện tầm quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu lương thực của người dân cũng như đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Ngoài ra, tỷ trọng giá trị sản xuất cao cho thấy ngành sản xuất, chế biến thực phẩm có nhiều thế mạnh với nhiều thương hiệu lớn, có uy tín, thị trường ổn định và có khả năng cạnh tranh cao so với các doanh nghiệp nước ngoài.

Đặc biệt, sau khi các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam ký kết đi vào hiệu lực, ngành sản xuất chế biến thực phẩm sẽ được mở ra một thị trường tiêu dùng và đầu tư rộng lớn hơn. Theo số liệu và thông tin do Vụ Kế hoạch – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố ngày 16/06/2021, tính đến năm 2020, cả nước có trên 7.500 doanh nghiệp chế biến nông sản quy mô công nghiệp gắn với xuất khẩu, tổng công suất đạt khoảng 120 triệu tấn nguyên liệu/năm. Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến và sản xuất rau củ quả chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu doanh nghiệp ngành sản xuất chế biến thực phẩm, trong khi đó ngành chế biến thủy sản đông lạnh lại là ngành thu hút nhiều lao động nhất.

Ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm của Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng mạnh, từng bước cung ứng nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh cao, chiếm lĩnh thị trường nội địa và gia tăng xuất khẩu. Thực phẩm đang chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu chi tiêu hàng tháng của người tiêu dùng Việt Nam. Số liệu thống kê của Vụ Kế hoạch – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ngày 16/06/2021 cho thấy, tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp của ngành sản xuất, chế biến thực phẩm bình quân giai đoạn năm



2016-2020 đạt 7%/năm, trong đó năm 2016 tăng 8,2%; năm 2017 tăng 6%; năm 2018 tăng 8,2%; năm 2019 tăng 7,9%; năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chỉ tăng 4,5%. Những tháng đầu năm 2021, ngành sản xuất thực phẩm đã thể hiện sự hồi phục rõ rệt khi dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của nền kinh tế trở lại hoạt động trong trạng thái bình thường mới. Chỉ số sản xuất ngành chế biến thực phẩm 04 tháng đầu năm 2021 tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước; một số sản phẩm tăng khá như: thủy, hải sản chế biến tăng 3,3%; sữa tươi tăng 5,6%; sữa bột tăng 18,1%; thức ăn cho gia súc tăng 9,2%; thức ăn cho thủy sản tăng 3,2%.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp 02 năm gần đây, ngành chế biến thực phẩm cũng bị ảnh hưởng phần nào. Tuy nhiên, xét trong dài hạn, khi Việt Nam đã tham gia ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA, CPTPP), ngành chế biến thực phẩm xuất khẩu có rất nhiều triển vọng và bỏ ngỏ nhiều tiềm năng phát triển.

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức Phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.**

Căn cứ vào quyết định số Quyết định số 255/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn năm 2021 – 2025, ngành nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn tới được tập trung phát triển theo hướng cơ cấu phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu.

Ngoài ra, theo các chuyên gia công nghệ sinh học và tạo giống, một trong những xu thế trong sản xuất nông nghiệp toàn cầu là hướng đến nông nghiệp thông minh. Trong đó, ngành sản xuất nông nghiệp được áp dụng nhiều khoa học kỹ thuật như ứng dụng thành tựu của trí tuệ nhân tạo, phương tiện liên lạc, điều khiển hiện đại vào từng khâu sản xuất.

Với tầm nhìn và mục tiêu trở thành doanh nghiệp phát triển tốt trong lĩnh vực nông nghiệp xuất khẩu, TSC mong muốn cung cấp giải pháp toàn diện để phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam theo hướng công nghệ cao, bền vững. Trong những năm tới, thông qua các công ty con, TSC định hướng đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư trang thiết bị ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm hướng đến phát triển nông nghiệp hữu cơ có giá trị cao, bền vững. Trong ngắn hạn, TSC cũng đang phát triển vùng nguyên liệu cho sản phẩm chế biến từ dứa khóm MD2.

Đây thực sự là chiến lược đúng đắn phù hợp với định hướng phát triển của ngành cũng như chính sách của Nhà nước.

10.1.8. Hoạt động marketing

- Sản phẩm và định vị sản phẩm:

- ✓ TSC hiện đang sở hữu những doanh nghiệp trong các ngành hàng cơ bản có tiềm năng tăng trưởng cao như: nước, nước giải khát (Vikoda), sản xuất và chế biến nông sản xuất khẩu (Westfood); ngành hàng tiêu dùng (Công ty cổ phần FIT Cosmetics);
- ✓ Hiện Vikoda (công ty con của TSC) đang sở hữu mỏ nước khoáng Đánh Thạnh, một mỏ khoáng có vi lượng khoáng silic rất nóng, đạt tiêu chuẩn quốc tế, có thành phần



ổn định, cùng loại với nước khoáng Kuldur (Nga), Pavel Bania (Bulgari), Evian (Pháp), Bath (Anh). Đây là những loại nước khoáng đã được sử dụng và có tác dụng rất tốt trong việc chữa bệnh và phòng bệnh. Với những lợi thế về nguồn nước có độ kiềm tự nhiên cao từ 8.5 – 9.0. Để gia tăng độ phù và nhận diện thương hiệu, Vikoda đã thay đổi bao bì và nhãn mác một số sản phẩm phù hợp như nước tăng lực khoáng Sumo – nước tăng lực duy nhất sản xuất trên nền khoáng thiên nhiên, hay sản phẩm nước Yến sào Vikonest. Đặc biệt, Vikoda đã cho mắt 2 sản phẩm Vikoda Soda và Vikoda Alkaline bao bì lon nhôm, giúp bảo vệ môi trường và đi đầu xu thế giảm thiểu rác thải nhựa. Các sản phẩm của Vikoda đã nhận được những phản hồi tích cực từ người tiêu dùng, đặc biệt là các resort, khách sạn lớn. Bên cạnh việc tăng cường quảng bá các thương hiệu Đành Thanh và Vikoda, tập trung phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ lực có doanh thu và hiệu quả cao, Vikoda cũng sẽ chú trọng nghiên cứu cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Công tác marketing sẽ được đẩy mạnh đi sâu nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược quảng bá có hiệu quả hơn.

- ✓ Gần 30 năm qua, Westfood cũng đã khẳng định được vị trí của mình trong thị trường tiềm năng này. Cho đến nay, sản phẩm Westfood đã có mặt và được yêu thích ở nhiều quốc gia, châu lục trên thế giới như: Mỹ, Canada, Pháp, Hà lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc... Đối tượng khách hàng của Westfood phần lớn là những tập đoàn, nhà máy sản xuất và chế biến thực phẩm công nghiệp có quy mô lớn như: Dole, Aeon, Atlanta, Port Royal... Trước tình hình khó khăn của dịch bệnh Covid – 19, Westfood cũng chủ động tăng thu mua và chọn thời điểm phù hợp để mua các nguyên liệu, chủ yếu là hoa quả, phục vụ chế biến. Đặc biệt, Westfood đang tích cực mở rộng vùng nguyên liệu của mình để chủ động về nguồn nguyên liệu hoa quả đầu vào về sản lượng cũng như chất lượng. Bên cạnh đó, Westfood sẽ tiếp tục nghiên cứu và hợp tác với các đối tác cho ra đời các dòng sản phẩm mới. Hoạt động R&D liên tục được đầu tư nhằm tạo ra các sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao hơn.
- ✓ Trong mảng hàng tiêu dùng nhanh, Công ty cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết của TSC) đang sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân và vệ sinh nhà cửa. Các dòng sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng của Công ty cổ phần FIT Cosmetics đang đáp ứng tốt nhu cầu của người tiêu dùng. Hiện các doanh nghiệp đang tập trung vào hoạt động tái cơ cấu danh mục sản phẩm Personal Care và Home Care, cải tiến và nâng cao chất lượng các dòng sản phẩm chủ lực như Dr.Clean, Tero, Dr.Kool...

- **Mở rộng thị trường**

Ngoài việc cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng để củng cố và đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện có các doanh nghiệp trong hệ thống của TSC cũng luôn đề ra những giải pháp mở rộng thị trường nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

- ✓ Đối với Vikoda, ngoài thị trường truyền thống là khu vực miền Trung – Tây Nguyên, trong những năm qua Vikoda đã có những giải pháp để mở rộng thị trường vào khu vực miền Nam trọng tâm là TP. Hồ Chí Minh và thị trường miền Bắc. Hiện độ phủ của các sản phẩm của Vikoda đã có mặt ở 63/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Trong năm 2021, Vikoda cũng đã thay đổi nhận diện thương hiệu với các sản phẩm



như Vikoda; Sumo... để định vị sản phẩm cho một chiến lược phát triển mới. Bên cạnh đó, Vikoda cũng bắt đầu xúc tiến mở rộng thị trường ra ngoài lãnh thổ Việt Nam thông qua kênh bán hàng thương mại điện tử.

- ✓ Đối với Westfood, ngoài việc mở rộng sản phẩm xuất khẩu thông qua các hội trợ, hội thảo quốc tế, trong thời gian qua cũng đã chú trọng phát triển các dòng sản phẩm phục vụ thị trường trong nước như: hạt sen đóng hộp; dưa tươi và dưa đóng hộp... bước đầu đã nhận được sự đánh giá tích cực của thị trường. Trong thời gian tới, Westfood sẽ kết hợp với các đơn vị khác để cho ra nhiều dòng sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước.
 - ✓ Đối với Công ty cổ phần FIT Cosmetics tiếp tục nghiên cứu cải tiến sản phẩm để thâm nhập vào các thị trường có nhu cầu tiêu thụ cao trong nước như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và các khu vực khác. Công ty cổ phần FIT Cosmetics chú trọng phát triển các sản phẩm thuộc dòng nước rửa tay Dr.Clean, kem đánh răng Dr.Kool...
- **Quảng cáo khuyến trương và xúc tiến bán hàng**
- ✓ TSC và các công ty trực thuộc TSC trong thời gian qua đã chú trọng công tác quảng cáo khuyến trương và xúc tiến bán hàng, nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua:
 - o Xây dựng các chương trình khuyến mãi thường xuyên và đột xuất như: giảm giá sản phẩm; tặng kèm sản phẩm...
 - o Quảng cáo trên các phương tiện truyền thông trên truyền hình, báo viết, mạng xã hội...
 - o Các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) của doanh nghiệp như: ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai; ủng hộ các bệnh viện và cơ sở cách ly trong dịch Covid -19.
 - o Phát triển các kênh thương mại điện tử (ecommerce) như: mạng xã hội (chủ yếu là facebook, fanpage); trang thương mại điện tử: Shopee; Lazada; Tiki; Sendo...

10.1.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Biểu tượng logo:



Logo của Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 34574 theo Quyết định số 1579/QĐNH ngày 16/08/2000 do Cục Sở hữu Công nghiệp cấp và được sửa đổi tên của chủ văn bằng thành Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo Quyết định số 198/QĐ-ĐK ngày 23/02/2004 của Cục Sở hữu Trí Tuệ.



10.1.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021, HĐQT Công ty kiên trì chỉ đạo, định hướng Công ty theo sát thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất hiện tại, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu. Tiếp tục mục tiêu tái cơ cấu ngành nghề hiện tại theo hướng giảm tỷ trọng các hoạt động kinh doanh không còn là thế mạnh, tiếp tục phát huy những hoạt động mang lại hiệu quả cho Công ty. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm không độc hại với con người và ít chất tẩy gây ô nhiễm môi trường.

- **Màng thực phẩm:** Westfood đã sở hữu 4 dây chuyền IQF, 2 dây chuyền đóng lon thanh trùng đạt chuẩn châu Âu và hệ thống dây chuyền tiền đông, cắt và cấp đông nhanh hoàn toàn tự động, cùng với nhiệm vụ mở rộng vùng nguyên liệu trong năm 2022. Westfood được định hướng sẽ thuộc top những công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực xuất nhập khẩu trái cây cấp đông, đóng lon và đóng cốc nhựa. Năm 2016, Westfood đã thành công trong việc đưa giống khóm MD2 về Việt Nam. Đây là loại khóm đem lại năng suất và lợi thế cạnh tranh lớn. Nhờ đó, Westfood đã và đang là đầu mối uy tín đối với nhiều doanh nghiệp tại các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ và châu Âu. Westfood dự kiến phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 khoảng 700 ha cho tới năm 2025. Việc phát triển sản phẩm này hứa hẹn giúp hoạt động kinh doanh của Westfood cũng như TSC cải thiện tích cực trong thời gian tới.
- **Màng hàng tiêu dùng:** Ngành hàng này được TSC đẩy mạnh phát triển, thông qua công ty con là Công ty cổ phần FIT Consumer, tập trung vào Vikoda. Sau khi nghiên cứu thị trường và đánh giá tiềm năng phát triển, Vikoda đã và đang đẩy mạnh dòng sản phẩm nước khoáng vào các thị trường có thế mạnh truyền thống. Ngoài ra, Công ty cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết của TSC) cũng thực hiện tái cơ cấu đội ngũ bán hàng, tái cơ cấu danh mục sản phẩm, tập trung vào các ngành hàng có quy mô lớn và nhiều tiềm năng đã giúp cải thiện doanh thu đáng kể trong nửa cuối năm 2021. TSC kỳ vọng rằng việc cơ cấu đội ngũ nhân sự cũng như tập trung đẩy mạnh sản phẩm nước khoáng sẽ giúp Công ty nâng cao hiệu quả kinh doanh của Vikoda cũng như Công ty cổ phần FIT Consumer và TSC trong những năm tới.

10.1.11. Chiến lược kinh doanh

- Đối với mảng kinh doanh thương mại: Công ty hạn chế tối đa rủi ro trong mảng kinh doanh nông sản, tập trung đầu tư vào những nông sản mang lại nguồn lợi cao, có lợi thế và khả năng cạnh tranh như tinh bột sắn..
- **Màng thực phẩm:** Mục tiêu chính của Westfood là gia tăng năng lực sản xuất, đáp ứng được đơn đặt hàng lớn từ bạn hàng quốc tế và duy trì hoạt động kinh doanh bền vững. Vì vậy, để đạt được mục tiêu đề ra, trong vòng 05 năm tới, Westfood sẽ mở rộng đầu tư vào vùng nguyên liệu nhằm tăng tính chủ động và cải thiện biên lợi nhuận kinh doanh. Bên cạnh đó, trong những năm tới, Westfood cũng đẩy mạnh đầu tư vào hoạt động R&D và máy móc hiện đại nhằm tạo ra những dòng sản phẩm mang thương hiệu riêng có tính cạnh tranh cao và đem lại hiệu quả về giá trị gia tăng.
- **Màng hàng tiêu dùng:** Để đạt được mục tiêu dài hạn là đưa Công ty cổ phần FIT Consumer trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực FMCG, TSC sẽ thúc đẩy đầu tư có chiều sâu vào ngành hàng này. Cụ thể, với Vikoda (công ty con), chiến lược kinh doanh trong giai đoạn năm 2021 - năm 2025 là tập trung vào

dòng sản phẩm nước khoáng và các thị trường có thể mạnh truyền thống. Với Công ty cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết của TSC), việc tái cơ cấu đội ngũ bán hàng, tái cơ cấu danh mục sản phẩm, tập trung vào các ngành hàng có quy mô lớn và nhiều tiềm năng đã giúp cải thiện doanh thu đáng kể trong năm 2021.

- Nguồn vốn đầu tư chủ yếu cho chiến lược kinh doanh trên là từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty và nguồn vay từ các tổ chức tín dụng.

10.1.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh của Tổ chức Phát hành theo quy định pháp luật liên quan.

Công ty không hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp nên TSC luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

❖ Công ty mẹ và các công ty thành viên

Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2019 là 638 người.

Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2020 là 654 người.

Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2021 là 1.103 người.

Bảng 20: Cơ cấu nhân sự của TSC và các công ty thành viên trong 03 năm gần nhất

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số nhân viên tại thời điểm		
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Phân theo giới tính	638	654	1.103
1	Nam	230	237	576
2	Nữ	408	417	527
II	Phân theo trình độ học vấn	638	654	1.103
1	Trình độ trên Đại học	6	5	4
2	Trình độ Đại học	72	76	168
3	Đối tượng khác	560	573	931
III	Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ	638	654	1.103
1	Lao động thường xuyên	638	654	1.103
2	Lao động thời vụ	0	0	0

Nguồn: TSC và các công ty thành viên

❖ **Công ty mẹ**

Tổng số nhân viên của TSC tại thời điểm 31/12/2019 là 04 người.

Tổng số nhân viên của TSC tại thời điểm 31/12/2020 là 05 người.

Tổng số nhân viên của TSC tại thời điểm 31/12/2021 là 05 người.

Bảng 21: Cơ cấu nhân sự của TSC tại thời điểm 31/12/2021

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số nhân viên tại thời điểm		
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	Phân theo giới tính	4	5	5
1	Nam	2	3	3
2	Nữ	2	2	2
II	Phân theo trình độ học vấn	4	5	5
1	Trình độ trên Đại học	0	0	0
2	Trình độ Đại học	4	5	5
3	Đối tượng khác	0	0	0
III	Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ	4	5	5
1	Lao động thường xuyên	4	5	5
2	Lao động thời vụ	0	0	0

Nguồn: TSC

11.2. Chính sách đối với người lao động

▪ **Chế độ làm việc**

- Công ty tổ chức làm việc 7 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, TSC có thể yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Tất cả nhân viên đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

▪ **Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động.
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty còn có thưởng thêm cho nhân viên vào

các dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả nhân viên Công ty.

- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động Công ty: Công ty không có quy chế chung. Tuy nhiên, theo từng lần, ĐHĐCĐ và HĐQT sẽ có quy chế cụ thể cho việc phát hành.

▪ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- Hàng năm, các phòng/bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng, xác định chức danh, số lượng nhân sự cần tuyển và thời điểm tuyển dụng, để làm cơ sở thực hiện.
- Trong trường hợp phát sinh nhu cầu nhân sự đột xuất do: công việc phát sinh, nhân sự thôi việc, điều chuyển, cử đi học hoặc thăng tiến ... thì phòng/bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng đột xuất.
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ. Căn cứ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đề ra, Phòng Hành chính – Nhân sự lập kế hoạch đào tạo gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty, trình Tổng giám đốc xem xét, phê duyệt. Kế hoạch đào tạo của Phòng Hành chính – Nhân sự lập ra phải theo nhu cầu đào tạo cán bộ, nhân viên của các phòng, ban, bộ phận công tác; đồng thời phải mang tính chất tiên liệu, dự báo nhu cầu đào tạo nhân sự như một nguồn lực để hỗ trợ cho Công ty hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm đề ra.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách cổ tức do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong 03 năm gần đây, để tập trung nguồn lực phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty không chia cổ tức.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong vòng 03 năm từ tháng 02 năm 2019 đến nay, Công ty không có đợt chào bán cổ phiếu nào có thu tiền.



14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức Phát hành

Công ty không có cam kết nào chưa thực hiện.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức Phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức Phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty không có thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức Phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành (công ty mẹ) trong giai đoạn năm 2019 - 2021

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	2021	% tăng/ giảm
- Tổng giá trị tài sản	1.517.143	1.516.607	-0,04%	1.658.043	9,33%
- Doanh thu thuần	141.069	169.250	19,98%	131.946	-22,04%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	- 7.975	6.038	-175,71%	41.907	594,05%
- Lợi nhuận khác	- 2	34	-1800,0%	9	-73,53%
- Lợi nhuận trước thuế	- 7.977	6.072	-176,12%	41.916	590,32%
- Lợi nhuận sau thuế	- 8.306	6.064	-173,01%	38.340	532,26%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Quý IV năm 2021

*Bảng 23: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành (hợp nhất)
trong giai đoạn năm 2019 – 2021*

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	Năm 2021	% tăng/giảm
- Tổng giá trị tài sản	1.940.616	1.991.911	2,64%	2.303.482	15,64%
- Doanh thu thuần	416.769	460.146	10,41%	517.481	12,46%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	54	20.826	38466,67%	136.965	557,66%
- Lợi nhuận khác	6.476	379	-94,15%	458	20,84%
- Lợi nhuận trước thuế	6.530	21.205	224,72%	137.423	548,10%
- Lợi nhuận sau thuế	750	16.788	2138,40%	132.055	686,60%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

- Các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động: không có.
- Thông tin về ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành

- **Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán**

- Dịch bệnh Covid-19 bùng phát ở nhiều nơi trên toàn thế giới.

Năm 2021, nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 đem đến những khó khăn và thách thức nhất định cho Công ty. Chuỗi cung ứng và logistic vì thế mà cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, gây thiệt hại tới hoạt động xuất nhập khẩu trong ngắn và trung hạn.

- Căng thẳng chính trị ở các quốc gia:

Mặc dù căng thẳng chính trị có xu hướng giảm leo thang trong đại dịch nhưng có thể bùng phát trở lại. Điều này sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế toàn cầu nói chung, diễn biến giá dầu nói riêng. Bên cạnh đó, quan hệ căng thẳng giữa tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), Nga và các nước xuất khẩu dầu ngoài OPEC gây rủi ro cho nguồn cung cầu toàn cầu.

Giá dầu và các loại hàng hóa khác tăng gây rủi ro lạm phát trên toàn thế giới, tác động



tiêu cực lên quá trình phục hồi của các nền kinh tế trong và sau đại dịch Covid-19.

Với hai yếu tố này, TSC sẽ ít nhiều bị tác động về yếu tố chi phí đầu vào (do giá dầu tăng, lạm phát...) và yếu tố đầu ra (cầu tại các thị trường xuất khẩu truyền thống có nguy cơ sụt giảm).

Nhằm hạn chế tác động xấu đến từ những rủi ro vĩ mô này, TSC đã và đang thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chuỗi giá trị, chú trọng xây dựng thương hiệu, tái cơ cấu ngành hàng theo hướng thúc đẩy sản phẩm có lợi thế theo từng nhóm sản phẩm và thị trường và các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống.

- Cạnh tranh trong các mảng dịch vụ chính của Công ty ngày càng khốc liệt.
- **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành kể từ thời điểm 31/12/2021: không có.**

2. Tình hình tài chính

2.1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

TSC luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ Công ty.

Tính tới thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty là 2.303.482 triệu đồng, tăng 15,64% so với thời điểm cuối năm 2020, trong đó nợ phải trả là gần 288.881 triệu đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đầu tư trang thiết bị tăng năng lực sản xuất kinh doanh.

Bảng 24: Cơ cấu vốn kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng tài sản	1.940.616	1.991.911	2.303.482
Nợ phải trả	119.732	156.823	288.881
Vốn chủ sở hữu	1.820.884	1.835.088	2.014.601
Vốn điều lệ	1.476.481	1.476.481	1.476.481

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

Trích khấu hao TSCĐ:

Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:



Bảng 25: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác	03 - 20 năm

Nguồn: TSC

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và thương hiệu và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, đối với quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 47 năm. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không thực hiện trích khấu hao.

Công ty không có sự thay đổi nào trong chính sách khấu hao từ trước tới nay.

Mức lương bình quân:

Bảng 26: Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động qua các năm.

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	36.087.188	27.138.915	25.855.121

Nguồn: TSC

So sánh mức lương bình quân của Công ty với một số doanh nghiệp cùng ngành

Mức lương bình quân năm 2020 và năm 2021 của một số Công ty trong ngành như sau:

Chi tiêu	Công ty cổ phần Tập đoàn PAN (mã chứng khoán: PAN)	Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (mã chứng khoán: NSC)	Công ty cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái (mã chứng khoán: CAP)
Mức lương bình quân năm 2020 (đồng/người/tháng)	53.612.941	19.608.672	4.762.004
Mức lương bình quân năm 2021 (đồng/người/tháng)	54.184.834	20.636.712	2.895.456

Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2020 và năm 2021 của các công ty

Như vậy so với các doanh nghiệp trong ngành, mức lương bình quân người lao động năm 2020 và năm 2021 của TSC ở mức trung bình.

Tình hình công nợ

Bảng 27: Thông tin về tình hình công nợ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng số nợ phải thu:			
- Công ty mẹ	48.226	30.698	38.767
- Hợp nhất	74.856	71.923	354.580
Tổng số nợ phải trả:			
- Công ty mẹ	17.616	11.015	114.111
- Hợp nhất	119.732	156.823	288.881

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất Quý IV năm 2021

Bảng 28: Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	48.226	30.623	38.692
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.874	39.510	40.476
Trả trước cho người bán ngắn hạn	22.909	6.527	6.306
Phải thu ngắn hạn khác	7.408	4.552	8.376
Dự phòng các khoản thu ngắn hạn khó đòi	-19.966	-19.966	-16.466
Các khoản phải thu dài hạn	-	75	75
Phải thu dài hạn khác	-	75	75
Tổng cộng	48.226	30.698	38.767

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV năm 2021



Bảng 29: Các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	74.841	71.829	354.486
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	55.465	81.332	345.532
Trả trước cho người bán ngắn hạn	32.554	10.006	13.823
Phải thu ngắn hạn khác	19.842	15.297	29.347
Dự phòng các khoản thu ngắn hạn khó đòi	-33.020	-34.805	- 34.215
Các khoản phải thu dài hạn	15	94	94
Phải thu dài hạn khác	15	94	94
Tổng cộng	74.856	71.923	354.580

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

• Các khoản phải thu quá hạn

Bảng 30: Các khoản phải thu quá hạn của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Nguyên nhân	Khả năng thu hồi	Giá trị có thể thu hồi tại 31/12/2021
1	Phải thu của khách hàng	11.161	11.161	7.661			0
	<i>Thời gian quá hạn:</i>						
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>						
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>						
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>						
	<i>Từ 3 năm trở lên</i>	11.161	11.161	7.661	Khách hàng làm ăn thua lỗ, khó có khả năng trả nợ	Khó có thể thu hồi	0
2	Trả trước cho người bán	5.306	5.306	5.306			0
	<i>Thời gian quá hạn:</i>						
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>						
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>						
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>						
	<i>Từ 3 năm trở lên</i>	5.306	5.306	5.306	Nhà cung cấp làm ăn thua lỗ, khó có khả năng trả nợ	Khó có thể thu hồi.	0
3	Phải thu khác	3.500	3.500	3.500			0
	<i>Thời gian quá hạn:</i>						
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>						
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>						
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>						
	<i>Từ 3 năm trở lên</i>	3.500	3.500	3.500	Khoản tiền xin cấp phép thực hiện dự án nhà máy Tinh bột sắn, do dừng dự án nên không thu hồi được	Không có khả năng thu hồi	0
	Tổng	19.967	19.967	16.467			0

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 31: Các khoản phải thu quá hạn của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	Nguyên nhân	Khả năng thu hồi	Giá trị có thể thu hồi tại 31/12/2021
1	Phải thu của khách hàng	29.741	26.960	26.181			1.754
	<i>Thời gian quá hạn:</i>						
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>						
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	6.537	3.524	0			
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	5.051	477	4.013	Khách hàng làm ăn thua lỗ, khó có khả năng trả nợ	Khó có khả năng thu hồi	1.754
	<i>Từ 3 năm trở lên</i>	18.154	22.959	22.168	Khách hàng làm ăn thua lỗ, khó có khả năng trả nợ		0
2	Trả trước cho người bán	5.306	5.306	5.390			0
	<i>Thời gian quá hạn:</i>						
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>						
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>						
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>						



	Từ 3 năm trở lên	5.306	5.306	5.306	5.390	Nhà cung cấp làm ăn thua lỗ, khó có khả năng trả nợ	Khó có thể thu hồi	0
3	Phải thu khác	3.500	4.342	4.342	4.398			
	<i>Thời gian quá hạn:</i>							
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>							
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>							
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>							
	Từ 3 năm trở lên	3.500	4.342	4.342	4.398	Trong đó có 3,5 tỷ đồng là khoản tiền xin cấp phép thực hiện dự án nhà máy Tinh bột sắn, do dừng dự án nên không thu hồi được. Phần còn lại là các khoản phải thu khác không xác nhận được với khách hàng.	Không có khả năng thu hồi	0
	Tổng	38.547	36.608	36.608	35.969			1.754

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



▪ Các khoản phải trả

Bảng 32: Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	17.616	11.015	114.111
Phải trả người bán ngắn hạn	3.615	4.355	7.410
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	47	47	47
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	340	16	2.250
Phải trả người lao động	153	148	130
Chi phí phải trả ngắn hạn	112	317	1.808
Phải trả ngắn hạn khác	205	185	194
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.871	3.676	100.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.272	2.272	2.272
Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	17.616	11.015	114.111

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 33: Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	112.666,3	149.117,5	274.343,4
Phải trả người bán ngắn hạn	61.009,3	60.018,6	60.480,8
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.280,5	1.803,7	3.956,2
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.275,0	3.570,9	9.327,6
Phải trả người lao động	7.687,3	11.542,0	14.759,3
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.495,3	2.282,2	9.801,7
Phải trả ngắn hạn khác	23.036,9	24.917,6	12.270,7



Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.871,2	40.938,3	159.276,1
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	4.010,8	4.044,2	4.471
Nợ dài hạn	7.065,5	7.705,3	14.537,9
Phải trả dài hạn khác	-	-	10.320,6
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	7.065,5	7.705,3	4.217,3
Tổng cộng	119.731,8	156.822,8	288.881,3

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

- Nợ ngắn hạn, dài hạn

Bảng 34: Nợ vay của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Vay ngắn hạn	10.871	3.676	100.000
	Vay ngắn hạn	10.871	3.676	100.000
2	Vay dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	10.871	3.676	100.000

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 35: Nợ vay của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Vay ngắn hạn	10.871	40.938	159.276
	Vay ngắn hạn	10.871	40.938	159.276
2	Vay dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	10.871	40.938	159.276

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021



Bảng 36: Dư nợ các khoản vay của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/20219	31/12/2020	31/12/2021
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	10.871	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	-	3.676	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	-	-	100.000
Tổng cộng	10.871	3.676	100.000

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 37: Dư nợ các khoản vay của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	10.871,2	-	6.990,2
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	-	40.938,3	16.321,4
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	-	-	19.966,3
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN - CN Huyện Diên Khánh	-	-	15.998,3
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	-	-	100.000,00
Tổng cộng	10.871,2	40.938,3	159.276,1

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

Thanh toán các khoản nợ:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 31/12/2021, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ chức Phát hành và công ty con:

Không có.

**Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

Bảng 38: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	330	-	2.240,6
Thuế Thu nhập cá nhân	10	16	9,6
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	340	16	2.250,2

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 39: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế Giá trị gia tăng	0,5	-	1.077,3
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.119,6	3.436	7.921,1
Thuế Thu nhập cá nhân	154,9	135	145,0
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	-	184,2
Tổng cộng	1.275	3.571	9.327,6

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021
Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật và nộp các khoản thuế cho Nhà nước đúng thời hạn.

Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định của Điều lệ Công ty, trước khi thực hiện phân chia cổ tức, Công ty phải trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ do ĐHCĐ quyết định theo đúng chế độ tài chính hiện hành do Nhà nước quy định.

Bảng 40: Các quỹ trích lập của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ Đầu tư phát triển	2.350	2.350	2.350
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.272	2.272	2.272



Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	128	128	128
Tổng cộng	4.750	4.750	4.750

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý IV năm 2021

Bảng 41: Các quỹ trích lập của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	7.532	7.532	7.138
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	4.011	4.044	4.471
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	128	128	128
Tổng cộng	11.671	11.704	11.737

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức Phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 42: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán							
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:							
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	9,73	14,63	2,40	3,34	6,38	3,70
- Hệ số thanh toán nhanh:							
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	9,46	14,28	2,40	3,00	6,07	3,48
2. Cơ cấu vốn							
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,01	0,01	0,07	0,06	0,08	0,13
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,01	0,01	0,07	0,07	0,09	0,14



Các chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
3. Năng lực hoạt động							
- Vòng quay tổng tài sản:							
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,09	0,11	0,08	0,21	0,23	0,24
- Vòng quay vốn lưu động:							
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,79	1,02	0,61	1,01	0,69	0,53
- Vòng quay hàng tồn kho:							
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	18,77	36,31	63,87	6,21	9,07	7,83
4. Khả năng sinh lời							
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):							
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-5,89%	3,58%	29,06%	0,18%	3,65%	25,52%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):							
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-0,54%	0,40%	2,42%	0,04%	0,85%	6,15%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):							
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-0,55%	0,40%	2,51%	0,04%	0,92%	6,86%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng /cổ phần	-56	41	260	9	114	778

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng, hợp nhất Quý IV năm 2021

Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập về các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Không có

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập:

3.1. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco về BCTC riêng năm 2019:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019,



cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

3.2. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco BCTC hợp nhất năm 2019:

+ **Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco về BCTC hợp nhất năm 2019:** “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

+ **Vấn đề cần nhấn mạnh của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco về BCTC hợp nhất năm 2019:**

“Tháng 6/2016, Công ty cổ phần FIT Consumer (“FC”) tư mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam có bảo đảm bằng tài sản và kèm theo chứng quyền với số lượng trái phiếu là 5.120.000 trái phiếu, mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm, từ ngày 10/6/2016 đến ngày 10/6/2021. Lãi suất áp dụng trong trường hợp chọn chuyển đổi sang cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam là 0%/năm hoặc là 5%/năm trong trường hợp không chuyển đổi sang cổ phiếu. Công ty sẽ lựa chọn thực hiện một trong hai phương án là chuyển đổi toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu hoặc không thực hiện chuyển đổi. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa có phương án về việc có thực hiện chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu tại thời điểm đáo hạn hay không. Do đó, Công ty chưa chắc chắn về khoản lãi nhận được từ đầu tư trái phiếu tại thời điểm đáo hạn nên chưa thực hiện ghi nhận lãi dự thu từ đầu tư trái phiếu vào kết quả hoạt động kinh doanh của các năm từ 2016 đến năm 2019. Tổng lãi lũy kể đến ngày 31/12/2019 trong trường hợp không thực hiện chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 90.448.013.699 VND. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.”

3.3. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về BCTC riêng năm 2020:

+ **Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về BCTC riêng năm 2020:** “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

+ **Vấn đề khác:** “Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 200/VACO/BCKiT.NV2 ngày 26/3/2020”

3.4. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về BCTC hợp nhất năm 2020:

+ **Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về BCTC hợp nhất năm 2020:** “Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình



hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

+ Vấn đề cần nhấn mạnh của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về BCTC hợp nhất năm 2020:

“Nhu đã trình bày tại Thuyết minh số 7, Công ty cổ phần FIT Consumer chưa thực hiện ghi nhận lãi dự thu liên quan đến khoản đầu tư mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam do chưa chắc chắn được khoản lãi đầu tư trái phiếu tại thời điểm đáo hạn. Đây là loại hình trái phiếu chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và kèm theo chứng quyền, số lượng trái phiếu là 5.120.000 trái phiếu với mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 05 năm, lãi suất áp dụng trong trường hợp chọn chuyển đổi sang cổ phiếu của Tổ chức Phát hành là 0%/năm hoặc 5%/năm trong trường hợp không chuyển đổi sang cổ phiếu. Trường hợp Công ty lựa chọn không chuyển đổi toàn bộ trái phiếu tại ngày đáo hạn, tổng lãi lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là: 116.048.013.699 đồng (đến thời điểm 31/12/2019 là 90.448.013.699 đồng). Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.”

+ **Vấn đề khác:** “Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 201/VACO/BCKIT.NV2 ngày 26/3/2020”

* **Ý kiến của TSC về vấn đề nhấn mạnh:** Tại thời điểm hiện tại, khoản đầu tư mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty cổ phần FIT Consumer đã đáo hạn. Công ty cổ phần FIT Consumer đã lựa chọn không chuyển đổi sang cổ phiếu mà nhận lãi 5%/năm. Tổng lãi nhận được từ khoản đầu tư trái phiếu chuyển đổi là: 129.848.888.889 đồng. Do vậy các vấn đề nhấn mạnh của tổ chức kiểm toán độc lập năm 2019, 2020 không có ảnh hưởng đến điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng.

3.5. Ý kiến soát xét của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về BCTC hợp nhất bán niên năm 2021:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.6. Ý kiến soát xét của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về BCTC riêng bán niên năm 2021:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2021 (*)		Năm 2022 (**)	
	Thực hiện (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2020	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2021
Doanh thu thuần (*)	522.034	13,45%	1.282.942	145,8%
Lợi nhuận sau thuế	132.055	686,60%	145.921	10,5%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25%	593,35%	11%	-55,0%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu bình quân	6,86%	647,02%	7,0%	1,9%
Tỷ lệ cổ tức (*)	0%	0%	0%	0%

Ghi chú:

(*) Số liệu thực hiện năm 2021 được căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2021.

(**) Kế hoạch kinh doanh 2022 đã được Ban lãnh đạo Công ty dự kiến đưa vào nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua.

Kế hoạch cổ tức: Công ty dự kiến không chia cổ tức trong năm 2022.

❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

- Đối với mảng kinh doanh thương mại: Công ty hạn chế tối đa rủi ro trong mảng kinh doanh nông sản, tập trung đầu tư vào những nông sản mang lại nguồn lợi cao, có lợi thế và khả năng cạnh tranh như tinh bột sắn.
- Trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh, năm 2021, Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC) đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Vikoda lên trên 80%. Nhờ điều chỉnh chiến lược kinh doanh và sản phẩm đúng đắn, tập trung vào sản phẩm nước khoáng và các sản phẩm truyền thống, Vikoda đã có nhiều bước tiến trong năm 2021, dù vẫn chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Bước sang năm 2022, bên cạnh việc tập trung phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ lực có doanh thu và hiệu quả cao, Vikoda sẽ tiếp tục nghiên cứu cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm, đẩy mạnh công tác marketing đi sâu nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược quảng bá có hiệu quả hơn. Đối với Công ty cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết của TSC), năm 2021, Công ty cổ phần FIT Consumer cũng đã tiếp tục tập trung vào hoạt động tái cơ cấu đội ngũ bán hàng và danh mục sản phẩm. Năm 2022, dự kiến sẽ thấy rõ hiệu quả của các hoạt động tái cấu trúc này, góp phần tăng lãi từ hoạt động liên doanh liên kết của Công ty cổ phần FIT Consumer.
- Lĩnh vực chế biến thực phẩm: Westfood (công ty con của TSC) đã đầu tư phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 với mục đích phát triển dòng sản phẩm khóm (dứa) mới, hiệu quả



hơn cả về chất lượng sản phẩm và giá trị thương mại, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng trên thị trường và qua đó gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Westfood. Hiện Westfood đang dần tự chủ về vùng nguyên liệu với kế hoạch phát triển từ hàng trăm ha lên tới hàng ngàn ha trong 02 năm tới. Bên cạnh lợi thế về vùng nguyên liệu, Westfood còn chú trọng đầu tư về máy móc, thiết bị, cơ sở hạ tầng hiện đại, hoạt động nghiên cứu và phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, giúp Westfood nhận được sự tin tưởng hợp tác lâu dài từ các đối tác lớn trên thế giới như Hàn Quốc, Nhật Bản, châu Âu, Mỹ... Có thể nói rằng, với sự đầu tư và định hướng chiến lược rõ ràng từ Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T (công ty mẹ của TSC), Westfood đang trên đà phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của mình.

- Trong năm 2022, TSC tiếp tục duy trì các hoạt động sản xuất hiện tại, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu. Tiếp tục mục tiêu tái cơ cấu ngành nghề hiện tại theo hướng giảm tỷ trọng các hoạt động kinh doanh không còn là thế mạnh, tiếp tục phát huy những hoạt động mang lại hiệu quả cho Công ty....

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh TSC cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh trong các năm qua của TSC ổn định.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới có thể khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổ chức Phát hành không có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 23/03/2021

Bảng 43: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T (Vốn điều lệ: 2.627 tỷ đồng. Người đại diện theo Pháp luật:	2007	0102182140	Tầng 5, tòa Times Tower - HACC 1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, phường	83.700.523	56,69%



TT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VĐL (%)
	+ Nguyễn Ngọc Bích – Tổng giám đốc + Nguyễn Văn Sang – Chủ tịch HĐQT Người đại diện phần vốn tại TSC: Nguyễn Ngọc Bích – Tổng giám đốc)			Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam		

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 23/03/2021 của Công ty (Theo báo cáo kết quả giao dịch của cổ đông lớn là Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T công bố ngày 02/12/2021, số lượng cổ phiếu TSC do cổ đông này nắm giữ sau khi giao dịch là 60.642.923 cổ phiếu tương đương 41,0726% vốn điều lệ).

Tên công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Mã chứng khoán: FIT

Năm thành lập: 08/03/2007

Giấy chứng nhận ĐKDN: số 0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/03/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 12/01/2022

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà Time Tower – HACC 1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ: 2.627.302.470.000 đồng (Hai nghìn, sáu trăm hai mươi bảy tỷ, ba trăm linh hai triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)

Người đại diện theo pháp luật:

1. (Ông) Nguyễn Ngọc Bích – Tổng giám đốc

2. (Ông) Nguyễn Văn Sang – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức Phát hành: (Ông) Nguyễn Ngọc Bích – Tổng giám đốc.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

+ Cổ đông lớn: Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

	Thời điểm FIT trở thành cổ đông lớn (ngày 01/8/2014)	Hiện tại	Dự kiến sau đợt chào bán
Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết	7.500.000 chiếm tỷ lệ 47,43%	60.642.923 chiếm tỷ lệ 41,0726%	80.857.230 chiếm tỷ lệ 41,0726%



+ Những người có liên quan của cổ đông lớn: Không có

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành với: cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần đang phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ. Cụ thể như sau:

ST T	Tên công ty	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T		Thuê văn phòng, điện nước, gửi xe	233.922.280	Không có	HDQT
			Dịch vụ tư vấn	502.259.295	Không có	HDQT
2	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	công ty con	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	1.348.324.744	Không có	HDQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành: Ngoài các giao dịch đã liệt kê ở bảng trên thì không có lợi ích liên quan nào khác.

Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

Bảng 44: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL *	Dự kiến số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL sau chào bán *
1.	Nguyễn Văn Sang	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Chủ tịch HDQT	033075000082	C26-BT6 - Phố Hoài Thanh - Khu Đô Thị Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0
2.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Phó Chủ tịch HDQT	011490956	P505 nhà 21, phố Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
3.	Kiều Hữu Dũng	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên HDQT	040067000190	94 Bùi Thị Xuân, Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0



TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Dự kiến số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL sau chào bán *
4.	Cao Trọng Hoàn	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên HĐQT	022871427	33/4 Khu phố 2, Phường Tân Phú, quận 7, TP. HCM	0	0
5.	Phan Minh Sáng	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên HĐQT	034075000151	P4-15 Thành Công 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
6.	Đỗ Văn Khả	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên độc lập HĐQT	013451230	Số 4, Ngõ 69A/22 Hoàng Văn Thái- Thanh Xuân- Hà Nội	0	0
7.	Bùi Tuấn	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên độc lập HĐQT	001070006215	15 ngách 46/12 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	0	0
8.	Nguyễn Quang Huy	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Trưởng Ban Kiểm soát	001086008813	Tập thể Z179, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	0	0
9.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên Ban Kiểm soát	042177000516	10B, tổ 9, Vạn Phúc Thượng, Công Vj. Ba Đình, Hà Nội	0	0
10.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên Ban Kiểm soát	012889931	95A- Tổ 64 -Linh Quang, P.Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	0	0
11.	Nguyễn Ngọc Bích	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Tổng giám đốc	033086000560	P902, Tòa nhà 17T4, Chung cư Hapulico, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0
12.	Vũ Thị Minh Hoài	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Phó Tổng giám đốc thường trực	031188001950	A 1710 CT2 TTHC mới, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Hà Nội	0	0
13.	Đỗ Thế Cao	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Quyền Giám đốc tài chính	001085000398	TDP Xuân Lộc 2, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	0	0
14.	Nguyễn Thị Nga	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Kế Toán trưởng	033193001088	TDP số 8, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	0	0



TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Dự kiến số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL sau chào bán *
15.	Nguyễn Thị Lan Hương	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP HCM	011922203	17 ngõ 108 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	0	0
16.	Bùi Hồng Hạnh	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Người được ủy quyền CBTT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty	001179010847	Số 2-A7B, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc kỹ thuật, Kế toán trưởng

Danh sách thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Giám đốc tài chính

Bảng 45: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Giám đốc tài chính

STT	Họ và tên	Chức danh
I	Hội đồng quản trị	
1	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Minh Sáng	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên độc lập HĐQT
4	Bùi Thanh Hương	Thành viên độc lập HĐQT
5	Đỗ Thế Cao	Thành viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS
3	Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS
III	Ban Tổng giám đốc	
1	Chu Thanh Quân	Tổng giám đốc



STT	Họ và tên	Chức danh
IV	Kế toán trưởng	
1	Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng

Nguồn: TSC

Sơ yếu lý lịch

❖ Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 15/07/1970
Nơi sinh : Hà Nội
CMND : 011490956 Ngày cấp: 26/02/2007 Nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thạch Hà, Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú : P505 nhà 21, phố Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa : Thạc sỹ
Trình độ chuyên môn : Tài chính - Quản trị kinh doanh
Từ 1993 - 1996 : Thư ký tại Mekong Corporation
Từ 1996 - 2007 : Phụ trách Phòng Mua hàng tại Công ty Shell Gas Việt Nam
Từ 2007 - 2012 : Phó Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T
Từ 10/2012 - Nay : Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T
Từ 10/2012 - Nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Dũng Tâm
Từ 04/2014 - Nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Từ 04/2014 - Nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
Từ 10/2015 - Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Từ 05/2018 - Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất



khẩu Miền Tây

Từ 05/2019 - Nay : Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mũi Dinh Ecopark

Từ 04/2019 - Nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT Công ty

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Dũng Tâm; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mũi Dinh Ecopark; thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 chiếm tỷ lệ 0% và được ủy quyền đại diện

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 0 chiếm tỷ lệ 0%

+ Được ủy quyền đại diện : 0 chiếm tỷ lệ 0%

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T (bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt là Phó Chủ tịch HĐQT) hiện đang nắm giữ 60.642.923 cổ phiếu tương đương 41,0726% của TSC

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên HĐQT đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức Phát hành:

TT	Người có liên quan	Giấy chứng nhận ĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/3/2007	60.642.923 cổ phần chiếm tỷ lệ 41,0726%	Phó Chủ tịch HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chủ tịch HĐQT: Không có



- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của Chủ tịch HĐQT:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Phó Chủ tịch HĐQT	Thuê văn phòng, điện nước, gửi xe	311.702.138	Không có	HĐQT
			Dịch vụ tư vấn	1.798.982.014	Không có	HĐQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Chủ tịch HĐQT là 4.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/4/2019 đến nay.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ Ông Phan Minh Sáng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Họ và tên : PHAN MINH SÁNG

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 23/10/1975

Nơi sinh : Thái Bình

CCCD : 034075000151 cấp ngày 22/4/2016 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : T2-04, Khu đô thị Ciputra, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ văn hóa : Cử nhân Đại học



Trình độ chuyên môn	: Kinh tế, Tài chính, Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 01/1997 - 04/2000	: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Liên doanh Sản xuất Phụ tùng Ô tô Xe máy GMN (Hưng Yên)
Từ 04/2000 - 07/2001	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nước giải khát Delta (Long An)
Từ 09/2002 - 04/2007	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xi măng Thăng Long (Quảng Ninh)
Từ 03/2005 - 04/2009	: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xi măng Thăng Long (Quảng Ninh)
Từ 04/2009 - 07/2010	: Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Thăng Long (Quảng Ninh)
Từ 04/2011 - 02/2012	: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giấy An Hòa (Tuyên Quang)
Từ 07/2010 - 03/2012	: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội (Tập đoàn Geleximco - Hà Nội)
Từ 01/2013 - 04/2014	: Giám đốc Kinh doanh Công ty TNHH một thành viên Xổ số Điện toán Việt Nam (Bộ Tài Chính)
Từ 05/2014 - Nay	: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Từ 10/2014 - Nay	: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hạt giống TSC
Từ 05/2016 - Nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây
Từ 04/2018 - Nay	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T
Từ 09/2018 - Nay	: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín
Chức vụ hiện nay tại Công ty	: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty
Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác	: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hạt giống TSC; Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T; thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Nông Tín
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích	: Không



Công ty

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ và được ủy quyền đại diện:

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : Không có

Số lượng cổ phần do những người : Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T (ông Phan Minh Sáng là Thành viên HĐQT) hiện đang nắm giữ 60.642.923 cổ phiếu tương đương 41,0726% của TSC

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

TT	Người có liên quan	Giấy chứng nhận ĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/3/2007	60.642.923 cổ phần chiếm tỷ lệ 41,0726%	Thành viên HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT: Không có
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của Thành viên HĐQT:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên HĐQT	Thuê văn phòng, điện nước, gửi xe	311.702.138	Không có	HDQT
			Dịch vụ tư vấn	1.798.982.014	Không có	HDQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Thành viên HĐQT là 3.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/4/2019 đến nay. Ngoài ra, ông Phan Minh Sáng còn được hưởng mức lương Tổng giám đốc là 60.000.000 đồng/tháng cho đến



ngày bị miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc (01/12/2021).

- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ **Bà Trương Thị Thu Hạnh - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**

Họ và tên : **TUỞNG THỊ THU HẠNH**

Giới tính : Nữ giới

Ngày tháng năm sinh : 11/06/1974

Nơi sinh : Hà Nội

CMND : 011817688 Ngày cấp: 15/09/2005 Nơi cấp: Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 6, ngõ 209, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Kinh tế, tài chính, kế toán

Quá trình công tác:

Từ 02/2016 - nay : Trưởng đại diện - Văn phòng đại diện AWR Lloyd

Từ 19/04/2019 - nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chức vụ tại các tổ chức khác : Trưởng đại diện - Văn phòng đại diện AWR Lloyd

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ và được ủy quyền đại diện:



Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : Không có

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ :

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Thành viên HĐQT là 3.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/4/2019 đến nay
 - Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
 - Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ Bà Bùi Thanh Hương - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Họ và tên : BÙI THANH HƯƠNG
Giới tính : Nữ giới
Ngày tháng năm sinh : 02/05/1971
Nơi sinh : Hà Nội
CMND : 011532410 Ngày cấp: 29/01/2011 Nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 17/815 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Trình độ văn hóa : Cử nhân Đại học



- Trình độ chuyên môn : Xuất nhập khẩu thương mại
- Quá trình công tác:
- Từ 1995 - 2000 : Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam
- Từ 08/2000 - Nay : Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Thăng Long Hà Nội
- Từ 09/2015 - nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cầu Thơ
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty
- Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác : Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Thăng Long Hà Nội
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Được ủy quyền đại diện : Không có
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không
- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Thành viên HĐQT là 3.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/4/2019 đến nay.



- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ Ông Đỗ Thế Cao - Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	: ĐỖ THẾ CAO
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 11/4/1985
Nơi sinh	: Mê Linh, Hà Nội
CMND	: 001085000398 cấp ngày 21/11/2018 tại Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: TDP Xuân Lộc 2, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	: Đại học Kinh tế Quốc Dân - chuyên ngành kế toán tổng hợp
Trình độ chuyên môn	: Kế toán, tài chính
Quá trình công tác:	
Từ 2008 - 2009	: Chuyên viên tài chính Công ty TNHH Toyota Việt Nam
Từ 2010 - 2012	: Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Từ 2012 - 2015	: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Từ 11/2015 - 2020	: Chuyên viên tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T
Từ 10/2017 - đến nay	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa
Từ 06/2020 - đến nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Từ 04/2020 - đến nay	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T



Từ 06/2020 - đến nay	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuốc ung thư Benovas
Từ 06/2020 - đến nay	: Trưởng BKS Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
Từ 11/2020 - đến nay	: Quyền Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T
Chức vụ hiện nay tại Công ty	: Thành viên HĐQT Công ty
Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T; thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuốc ung thư Benovas; Trưởng BKS Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long; Quyền Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện	: Không có
Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ	: Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T (ông Đỗ Thế Cao là Quyền Giám đốc tài chính) hiện đang nắm giữ 60.642.923 cổ phiếu tương đương 41,0726% của TSC

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

TT	Người có liên quan	Giấy chứng nhận ĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/3/2007	60.642.923 cổ phần chiếm tỷ lệ 41,0726%	Quyền Giám đốc tài chính

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện



giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT: Không có

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của Thành viên HĐQT:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Quyền Giám đốc tài chính	Thuế văn phòng, điện nước, gửi xe	311.702.138	Không có	HĐQT
			Dịch vụ tư vấn	1.798.982.014	Không có	HĐQT
2	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Thành viên HĐQT	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	1.830.428.283	Không có	HĐQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Thành viên HĐQT là 3.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/6/2020 đến nay
- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ Ông Nguyễn Anh Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : NGUYỄN ANH TUẤN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 04/02/1991

Nơi sinh : Hà Nội

CMND : 001091033464 ngày cấp: 22/07/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch : Việt Nam



Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 8 Ngách 426/20 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	: Cử nhân Đại học
Trình độ chuyên môn	: Tài chính - Ngân hàng
Quá trình công tác:	
Từ 09/2013 - 04/2015	: Kế toán tại Công ty TNHH Dược phẩm Đức Anh
Từ 04/2015 - 03/2018	: Kế toán tại Công ty cổ phần Đầu tư Dũng Tâm
Từ 01/2019 đến nay	: Tổng giám đốc Công ty cổ phần FIT Consumer
Từ 04/2020 đến nay	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng
Từ 02/2021 đến nay	: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt
Từ 04/2021 đến nay	: Tổng giám đốc Công ty cổ phần FIT Cosmetics
Từ 04/2021 đến nay	: Trưởng BKS Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Từ 04/2021 đến nay	: Thành viên BKS Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa
Từ 07/2021 đến nay	: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Today Cosmetics
Chức vụ hiện nay tại Công ty	: Trưởng BKS Công ty
Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác	: Tổng giám đốc Công ty cổ phần FIT Consumer; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt; Tổng giám đốc Công ty cổ phần FIT Cosmetics; Thành viên BKS Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Today Cosmetics
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : Không có

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Trường Ban Kiểm soát: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của Trường Ban Kiểm soát:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần Today Cosmetics	Tổng giám đốc	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	788.092.194	Không có	HDQT
2	Công ty cổ phần FIT Cosmetics	Tổng giám đốc	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	1.518.301.371	Không có	HDQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Trường BKS là 2.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 26/4/2021 đến nay.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HDQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thị Hồng Anh - Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên : NGUYỄN THỊ HỒNG ANH

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 28/02/1977



Nơi sinh : Nghệ An

CMND : 012915375 Ngày cấp: 15/9/2006 Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 10B, tổ 9, Vạn Phúc Thượng, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ văn hóa : Cử nhân Đại học

Trình độ chuyên môn : Tài chính

Quá trình công tác:

Từ 09/1999 đến 10/2007 : Chuyên viên Tài chính giải ngân - Dự án ODA

Từ 10/2007 đến 04/2009 : Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T

Từ 04/2009 đến 01/2018 : Kế toán Công ty cổ phần Viễn thông Di động Toàn cầu

Từ 04/2019 đến nay : Thành viên BKS Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Từ 06/2020 đến nay : Thành viên BKS Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Từ 04/2021 đến nay : Thành viên BKS Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Từ 06/2021 đến nay : Thành viên BKS Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS Công ty

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác : Thành viên BKS Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T; Thành viên BKS Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long; Thành viên BKS Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện: : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân* : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ *Được ủy quyền đại diện* : Không có

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T (bà Nguyễn Thị Hồng Anh là Thành viên BKS) hiện đang nắm giữ 60.642.923 cổ phiếu tương đương 41,0726% của TSC

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

TT	Người có liên quan	Giấy chứng nhận ĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/3/2007	60.642.923 cổ phần chiếm tỷ lệ 41,0726%	Thành viên Ban Kiểm soát

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Kiểm soát: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của Thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Thành viên Ban Kiểm soát	Thuê văn phòng, điện nước, gửi xe	311.702.138	Không có	HDQT
			Dịch vụ tư vấn	1.798.982.014	Không có	HDQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Thành viên BKS là 1.500.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/4/2019 đến nay.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.



❖ Bà Trần Thị Minh Phương - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 15/09/1991

Nơi sinh : Tuyên Quang

CMND : ngày cấp: 25/11/2008 Nơi cấp: Tuyên Quang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : TT Na Hang, Na Hang - Tuyên Quang

Trình độ văn hóa : Cử nhân Đại học

Trình độ chuyên môn : Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 01/2017 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoà Sen Việt Nam

- Từ 04/2018 - nay : Thành viên BKS Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây

- Từ 09/2018 - nay : Trưởng BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam

- Từ 08/2018 - nay : Trưởng BKS Công ty cổ phần Today Cosmetics

- Từ 10/2019 - nay : Thành viên BKS Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas

- Từ 07/2019 - nay : Trưởng BKS Công ty cổ phần FIT Cosmetics

- Từ 04/2020 - nay : Thành viên BKS Công ty cổ phần FIT Consumer

- Từ 06/2020 - nay : Thành viên BKS Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS Công ty

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam; thành viên BKS Công ty CP Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Miền Tây; Trưởng BKS Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam; Trưởng BKS Công ty cổ phần Today Cosmetics; thành viên BKS Công ty cổ phần Dược



phẩm Benovas; Trưởng BKS Công ty cổ phần FIT Cosmetics;
thành viên BKS Công ty cổ phần FIT Consumer.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện: : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : Không có

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Kiểm soát: Không có
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần Today Cosmetics	Trưởng BKS	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	788.092.194	Không có	HDQT
2	Công ty cổ phần FIT Cosmetics	Trưởng BKS	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	1.518.301.371	Không có	HDQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao Thành viên BKS là 1.500.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/6/2020 đến nay.



- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trưởng hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ Ông Chu Thanh Quân - Tổng giám đốc

Họ và tên	: CHU THANH QUÂN
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 04/11/1984
Nơi sinh	: Hà Nam
CCCD	: 001084015384 Ngày cấp: 18/05/2016 Nơi cấp: Cục trưởng Cục CS QLHC về TTXH
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Số 16 Tổ 1, P.Tương Mai, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
- Từ 03/2018 đến nay	: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam
- Từ 09/2018 đến nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam;
- Từ 01/2019 đến T12/2021	: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt
- Từ 12/2021 đến nay	: Tổng giám đốc Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Chức vụ hiện nay tại Công ty	: Tổng giám đốc Công ty
Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác	: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích	: Không



Công ty

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện: : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : Không có

Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : Không

- Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hướng mức lương Tổng giám đốc là 10.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/12/2021.
 - Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
 - Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

❖ Bà Nguyễn Thị Trang - Kế toán trưởng

Họ và tên : NGUYỄN THỊ TRANG

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 22/10/1988

Nơi sinh : Thanh Hóa

CMND : 038188000679

Quốc tịch : Việt Nam



Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	: 17T4, Hapulico, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: Cử nhân Đại học
Trình độ chuyên môn	: Kế toán - phân tích - kiểm toán
Quá trình công tác:	
- Từ 2013 - 10/2016	: Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Đầu tư Dĩnh Tâm
- Từ 10/2016 - 01/2017	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam
- Từ 01/2017 - nay	: Kế toán trưởng Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
- Từ 01/2018 - nay	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín
Chức vụ hiện nay tại Công ty	: Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện:	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
+ Sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện	: Không có
Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ	: Không
• Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:	Không có.
• Lợi ích liên quan đối với Tổ chức Phát hành:	



- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức Phát hành, công ty con của Tổ chức Phát hành, công ty do Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hiện nay đang hưởng mức lương Kế toán trưởng là 24.000.000 đồng/tháng.
- Các khoản nợ đối với Tổ chức Phát hành: Không có.
- Trường hợp thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức Phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

49.216.028 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

492.160.280.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai tỷ một trăm sáu mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá:

Nguyên tắc xác định giá phát hành được dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.

6.1. Giá trị sổ sách

+ Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2019 là: 12.333 đồng/cổ phiếu;

+ Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020 là: 12.429 đồng/cổ phiếu;

+ Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2021 là: 11.598 đồng/cổ phiếu.

6.2. Giá thị trường

Giá trị trường trung bình 03 tháng đầu năm 2021 là: 4.775 đồng/cổ phiếu.

6.3. Pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán:

* Theo Tờ trình số 11/2011/TT-ĐHĐCĐ ngày 31/3/2021 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của TSC: tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu phát hành (“Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền”), giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền;
- PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu trước phiên giao dịch không hưởng quyền;
- PR : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Trong trường hợp giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhỏ hơn mệnh giá thì giá thị trường tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền sẽ không bị điều chỉnh.

Ngoài ra, trong đợt chào bán cổ phiếu có thể bao gồm các rủi ro pha loãng khác như: Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu – EPS (Earning Per Share), Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu – BVPS (Book Value Per Share),...

* **Thông tin cập nhật giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2021**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 để xác định giá trị sổ sách của Công ty như sau:

Khoản mục	Đơn vị	Theo BCTC hợp nhất 31/12/2021
Vốn chủ sở hữu	Đồng	2.014.600.661.291
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đồng	302.172.557.124
Số lượng CP lưu hành	CP	147.648.084
Giá trị sổ sách mỗi CP	Đồng	11.598

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

* **Ảnh hưởng pha loãng giá thị trường:**

Mức giá đóng cửa giao dịch cổ phiếu TSC ngày 31/12/2021 là 16.100 đồng/CP.

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + P_r \cdot I}{1 + I}$$

Trong đó:

- ✓ P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng.



- ✓ Pt: Giá đóng cửa ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền (Giá định: 16.000 đồng/cổ phần);
- ✓ Pr: Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần);
- ✓ I: Tỷ lệ tăng vốn tăng thêm với việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (1/3);

Với giá định trên, tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua cổ phiếu, giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned} P_{pl} &= \frac{Pt + [Pr * 1/3]}{1 + 1/3} \\ &= \frac{16.000 + 10.000 * 1/3}{1 + 1/3} \\ &= 14.500 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Cổ phiếu của Công ty được chào bán cho cho cổ đông hiện hữu, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được Công ty xác định bằng 10.000 đồng/cổ phần.

7. Phương thức phân phối

- Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện: 3:1 (01 cổ phần tương ứng với 01 quyền, 03 quyền được mua 01 cổ phần mới).

- Chuyển nhượng quyền mua:

- ✓ Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng không phải nhà đầu tư nước ngoài, đối tượng nhận chuyển nhượng và thực hiện quyền mua cổ phiếu khi mua cổ phiếu phải tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “*Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào Công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau*”; chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3.
- ✓ Quyền mua cổ phiếu được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:

Số lượng cổ phiếu mới phát hành để chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 101 cổ phiếu, khi đó cổ đông A sẽ được mua cổ phiếu mới phát hành như sau: $101/3 = 33,7$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên



tắc làm tròn xuống, số cổ phiếu cổ đông A có quyền mua là 33 cổ phiếu.

- Xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết:

Đối với số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, HĐQT sẽ chào bán cho các cổ đông, nhà đầu tư khác có nhu cầu, với các điều kiện sau:

- ✓ Giá bán: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- ✓ Là nhà đầu tư trong nước quan tâm và bày tỏ mong muốn mua cổ phiếu TSC;
- ✓ Tuân thủ quy định tại điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào Công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”;
- ✓ Đảm bảo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- ✓ Cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu nêu trên, nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định,
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty;
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có): Không quy định;
- Phương thức đăng ký:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Công ty phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua tại Công ty - địa chỉ: số 1D, Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Phương thức thanh toán: tiền mua cổ phiếu phải chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định tại Điểm 11 Phần VII của Bản cáo bạch này.
- Chuyển nhượng quyền mua: Trong thời hạn đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền mua nếu có nhu cầu, việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 04 ngày làm việc so với thời hạn cuối cùng đăng ký thực hiện quyền.
 - Đối với cổ đông đã lưu ký:
 - Cổ đông tự tìm đối tác trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký:



Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại Công ty – địa chỉ: số 1D, Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Các điều khoản có liên quan:
 - Cổ đông sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
 - Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua đương nhiên chấm dứt và Tổ chức Phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.
 - Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến là Quý I/2022 - Quý II/2022.

Bảng 46: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán	T
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (TTLKVN), Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) để triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	T đến T + 2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.	T đến T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T + 12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	T + 13
6	Phân bổ quyền mua cổ phiếu và thông báo quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.	T + 19 đến T + 26
7	Nhà đầu tư tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần.	T + 27 đến T + 47
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không đăng ký, không nộp tiền mua (nếu có).	T + 48 đến T + 52
9	Xử lý số cổ phần không đăng ký, không nộp tiền mua (nếu có).	T + 52 đến T + 53



STT	Nội dung công việc	Thời gian
10	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN về kết quả đợt chào bán. - Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung 	T + 54 đến T + 64
11	Công bố về việc giao dịch bổ sung và trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký.	T + 55 đến T + 66
12	Giao dịch cổ phiếu phát hành bổ sung.	T + 85

Lịch trình phân phối cụ thể được Công ty công bố chính thức tại Bản thông báo chào bán sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, đảm bảo quy định của pháp luật.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba.
- Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Số tài khoản: 74838208
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở chính
- Chủ tài khoản: Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ.

12. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Hiện tại, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 0%. Do đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nên không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài nếu tất cả các cổ đông thực hiện quyền mua tương ứng. Trong trường hợp, nhà đầu tư không thực hiện quyền mua, để đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài, HĐQT Công ty sẽ chỉ phân phối cổ phiếu không đăng ký, không nộp tiền mua cho các nhà đầu tư trong nước khác.

Ngoài ra, Công ty lưu ý cổ đông khi thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu thì không chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài, đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

13. Các loại thuế có liên quan

- ❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**



▪ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

▪ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

14. Thông tin về các cam kết

- ❖ Công ty cam hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- ❖ Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán: Không có

15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Công ty không có các chứng khoán khác được chào bán, phát hành cùng đợt.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của TSC đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành thêm cổ phiếu sau khi trừ đi các chi phí phục vụ phát hành, sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trả nợ vay và tăng vốn cho các công ty thành viên.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 492.160.280.000 đồng, sau khi trừ đi các chi phí phục vụ phát hành, sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trả nợ vay và tăng vốn cho các công ty thành viên. Cụ thể như sau:

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
	Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho các mục đích dưới đây:	492.160.280.000	
1	Tăng vốn cho công ty con: - Tăng vốn cho Công ty cổ phần FIT Consumer	160.037.500.000	Quý I/2022 - Quý II/2022, sau khi tiền được giải tỏa từ tài khoản phong tỏa
2	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Cụ thể như sau:	332.122.780.000	tòa



STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
2.1	Trả nợ vay ngắn hạn	100.000.000.000	
2.2	Tăng quy mô hoạt động thương mại kinh doanh nông sản. Cụ thể là thanh toán tiền mua nông sản nhằm mục đích kinh doanh.	232.122.780.000	

Công ty dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên sử dụng theo thứ tự mức độ ưu tiên giảm dần như sau (i) ưu tiên việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để tăng vốn cho Công ty cổ phần FIT Consumer (ii) trả nợ vay ngắn hạn (iii) tăng quy mô hoạt động thương mại kinh doanh nông sản. Cụ thể là thanh toán tiền mua nông sản nhằm mục đích kinh doanh.

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho các mục đích dưới đây:

1. Tăng vốn cho Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con): 160.037.500.000 đồng.
 - 1.1. Thông tin Công ty cổ phần FIT Consumer
 - Địa chỉ: 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0313522734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 06/11/2015 thay đổi lần thứ 07 ngày 20/12/2021.
 - Lĩnh vực kinh doanh chính; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
 - Vốn điều lệ tại 31/12/2021: 1.300.000.000.000 đồng.
 - 1.2. Thông tin về mối quan hệ giữa doanh nghiệp được góp vốn với Công ty và người có liên quan của Công ty:
 - Thông tin về mối quan hệ giữa doanh nghiệp được góp vốn với Công ty: Công ty cổ phần FIT Consumer là công ty con của Tổ chức Phát hành. Tại ngày 31/12/2021, TSC trực tiếp sở hữu 90.350.000 cổ phần, tương đương 69,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần FIT Consumer.
 - Thông tin về mối quan hệ giữa doanh nghiệp được góp vốn với người có liên quan đến Tổ chức Phát hành: ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát TSC hiện đang là Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công ty cổ phần FIT Consumer.
 - 1.3. Thông tin về việc phát hành của Công ty cổ phần FIT Consumer:
 - Cơ sở pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 06/05/2021.
 - Phương án phát hành: Công ty cổ phần FIT Consumer thông qua việc tăng vốn từ 1.300.000.000.000 đồng lên 1.530.026.978.000 đồng qua hình thức phát hành cho cổ



đồng hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:1,7713061.

- Mục đích sử dụng vốn:
 - + Mua tối đa 2.100.000 cổ phiếu phát hành bởi Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (mã chứng khoán: VKD) theo phương thức phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán. Giá mua thực hiện theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch mua, nhưng tối đa không vượt quá 90.000 đồng/cổ phiếu.
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con, công ty liên kết khác hoặc/và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - + Tính đến thời điểm hiện tại, đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu của Công ty cổ phần FIT Consumer chưa thực hiện. Do đó, việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu VKD của Công ty cổ phần FIT Consumer diễn ra vào ngày 22/06/2021 là không liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần FIT Consumer nêu trên.
- Tiến độ thực hiện: Trong Quý I/2022 đến Quý II/2022.

1.4. Phương án góp vốn của TSC:

- Căn cứ pháp lý: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/BB-ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần FIT Consumer và Nghị quyết HĐQT số 10/2021/NQ-HĐQT của TSC ngày 27/10/2021 thông qua một số nội dung triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu năm 2021.
- Tỷ lệ sở hữu trước khi góp thêm vốn: TSC hiện đang sở hữu 90.350.000 cổ phần, tương đương 69,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần FIT Consumer.
- Theo tỷ lệ góp vốn, TSC sẽ được quyền mua thêm 16.003.750 cổ phần, tương đương giá trị góp vốn 160.037.500.000 đồng.
- Sau khi góp thêm vốn: TSC dự kiến sở hữu 106.353.750 cổ phần, tương đương 69,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần FIT Consumer.

2. Trả nợ vay ngắn hạn: 100.000.000.000 đồng.

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ dự kiến sử dụng 100.000.000.000 đồng để trả khoản nợ vay cho Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 19/7/2021 và Hợp đồng vay số 01-13092021 ngày 13/9/2021 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng và Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ. Thông tin về khoản vay như sau:

- Tên chủ nợ: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng;
- Mỗi quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên Ban Kiểm soát TSC hiện đang là Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng.
- Giá trị hợp đồng vay: 100.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: 6%/năm;
- Kỳ hạn: 06 tháng.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý I/2022 - Quý II/2022, sau khi tiền được giải tỏa từ tài



khoản phong tỏa

- Mục đích vay nợ: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 3. **Tăng quy mô hoạt động thương mại kinh doanh nông sản.** Cụ thể là thanh toán tiền mua nông sản nhằm mục đích kinh doanh: 232.122.780.000 đồng.
- Số tiền huy động được từ đợt chào bán sẽ được dùng 232.122.780.000 đồng để tăng quy mô hoạt động thương mại kinh doanh nông sản.
- Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc việc mua bán nông sản số 16/TSC-LAO TTL ngày 10/7/2021 giữa Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ và Công ty LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT CO.,LTD, Công ty dự kiến sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để mua một số nông sản như sau:

STT	Tên nông sản	Giá trị (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Tinh bột sắn	190.022.780.000	Quý I/2022 - Quý II/2022 sau khi tiền được giải tỏa từ tài khoản phong tỏa
2	Sắn lát	32.500.000.000	
3	Bã sắn	9.600.000.000	
	Tổng cộng	232.122.780.000	

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website: www.mbs.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Vaco (tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019)

Địa chỉ: Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3577 0781 Fax: (84-24) 3577 0787

Website: www.vaco.com.vn

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (tổ chức thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét báo cáo tài chính bán niên 2021)

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B2, tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 5678 3999

Website: www.uhy.vn

3. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức Tư vấn đã thu thập được về Công ty CP Vật tư Kỹ



thuật Nông nghiệp Cần Thơ và đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng, với tư cách là tổ chức tư vấn Hồ sơ đăng ký chào bán, Công ty cổ phần Chứng khoán MB có một số nhận định như sau:

Số lượng cổ phiếu chào bán lần này là 49.216.028 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu là 3:1. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trả nợ vay và tăng vốn cho các công ty thành viên.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, MBS đánh giá việc tăng vốn từ đợt phát hành này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

Trong bối cảnh dịch Covid-19, thị trường chứng khoán trong năm 2020 - 2021 được đánh giá là một trong những thị trường phục hồi và tăng trưởng tốt nhất trong khu vực. Giá trị thanh khoản cao và sự tăng trưởng của các chỉ số VN-Index nói chung và danh mục đầu tư của nhà đầu tư nói riêng là tiền đề thuận lợi cho việc phát hành đợt này của Công ty. Với giá chào bán của đợt phát hành lần này là 10.000 đồng/cổ phiếu, MBS cho rằng đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của TSC có khả năng thành công.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]





**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN MB**
Phó Giám đốc Khối Dịch vụ NHĐT



Nguyễn Thị Thanh Vân

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**CÔNG TY CP VẬT TƯ
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc

Chu Thanh Quân

Chu Thanh Quân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang



XIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25/07/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2021;
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021;
Tờ trình về việc Thông qua việc chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ số 11/2021/TT-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2021;
3. **Phụ lục III:** Nghị quyết HĐQT số 10/2021/NQ-HĐQT ngày 27/10/2021;
Nghị quyết HĐQT số 11/2021/NQ-HĐQT ngày 27/10/2021;
Nghị quyết HĐQT số 15/2021/NQ-HĐQT ngày 11/12/2021;
4. **Phụ lục IV:** Điều lệ Công ty ngày 26/04/2021;
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được kiểm toán năm 2019, 2020, Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng bán niên năm 2021 được soát xét; Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng Quý IV năm 2021.